

Phụ lục số 02
Danh sách hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ ngoài Đề án

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa chữa nhà ở	Hình thức thực hiện		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
I	Huyện Thanh Hà				277	128	
1	Phạm Khắc Roi	1944	TB 61%	Xóm Nam, thôn Song Động xã Tân An	x		
2	Phạm Xuân Sửa	1955	BB 41%	Xóm 2, thôn Đông Phan, Xã Tân An	x		
3	Phạm Trung Thoảng	1956	BB 61%	Xóm 3, thôn Đông Phan, Xã Tân An	x		
4	Đỗ Văn Vĩnh	1955	TB25%	Xóm Đông, thôn Song Động xã Tân		x	
5	Phạm Khắc Mai	1930	HHC	X. Đông, thôn Song Động xã Tân An	x		
6	Đỗ Thị Vĩnh	1935	Vợ LS	Xóm 2, thôn Đông Phan, Xã Tân An		x	
7	Phạm Duy Sơn	1955	TB41%	Xóm Nam, thôn Song Động xã Tân	x		
8	Nguyễn Văn Liệu	1948	Con LS Nguyễn Văn Phượng	Thôn An Liệt 3, xã Thanh Hải	x		
9	Phạm Văn Liệu	1963	Con LS Phạm Văn Quyên	Thôn An Liệt 1, xã Thanh Hải	x		

10	Hoàng Văn Cự	1947	Huy nhì	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
11	Nguyễn Văn Hân	1936	Huy nhất	Thôn An Liệt 2, xã Thanh Hải		x	
12	Lê Văn Môn	1935	Huân nhất	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
13	Nguyễn Thị Nôn	1962	Con LS Nguyễn Danh Thiêm	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
14	Nguyễn Như Sắc	1953	CDHH +Huy 1	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
15	Nguyễn Đức Thi	1952	TB 43%	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
16	Nguyễn Văn Hồng	1955	TB 21%	Thôn An Liệt 1, xã Thanh Hải	x		
17	Phạm Hồng Hà	1946	TB + CDHH	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải		x	
18	Lê Mạnh Thuý	1948	Huân ba	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
19	Lê Ngọc Tân	1939	Huân nhì	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải		x	
20	Nguyễn Văn Hào	1933	HHC	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
21	Lê Xuân Nghê	1951	Bệnh binh	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
22	Lê Thị Đan	1949	Huy nhì	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
23	Khương Thị Thắm	1943	Vợ liệt sĩ Nguyễn Văn Cừ	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải	x		
24	Đào Quang Khiêm	1949	Thương binh 21%	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
25	Nguyễn Đức Mạnh	1948	Huy chương kháng chiến hạng nhất	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải	x		
26	Lê Thành Ngó	1954	Bệnh binh 61%	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
27	Nguyễn Văn Như	1942	Bệnh binh 45%	Thôn An Liệt 2, xã Thanh Hải		x	
28	Hoàng Thị Tân	1948	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn An Liệt 2, xã Thanh Hải		x	
29	Lê Xuân Dừa	1956	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
30	Phạm Thị Hạnh	1953	Vợ LS Nguyễn Hồng Quang	Thôn An Liệt 3, xã Thanh Hải		x	
31	Nguyễn Văn Bên	1952	Bệnh binh 44%	Thôn An Liệt 1, xã Thanh Hải	x		
32	Nguyễn Thị Hiền	10/8/1942	Vợ ls Nguyễn Bá Côn	Lương Lại- An Phượng		x	
33	Nguyễn Trường Thọ	1940	Huân nhì	Lương Lại- An Phượng		x	

34	Nguyễn Văn Nguyễn	1/1/1958	TB 61%	Lương Lại- An Phụng	x		
35	Nguyễn Đình Lê	6/9/1952	TB 21%	Lương Lại- An Phụng	x		
36	Nguyễn Văn Khiêm	1/15/1933	Huân nhất	Lương Lại- An Phụng		x	
37	Nguyễn Thị Sen	3/17/1940	Vợ ls Nguyễn Đình Cát	Lương Lại- An Phụng	x		
38	Nguyễn Bá Vĩnh	2/6/1963	Con ls Nguyễn Bá Minh	Lương Lại- An Phụng		x	
39	Phạm Đức Huệ	3/2/1953	Huy nhất	Lương Lại- An Phụng		x	
40	Nguyễn Văn Kiêm	2/12/1932	Huân nhất	Lương Lại- An Phụng		x	
41	Nguyễn Văn Hợp	12/20/1949	Huy nhất	Lương Lại- An Phụng		x	
42	Hoàng Văn Bông	10/10/1947	BB 41%	An Lại- An Phụng	x		
43	Phạm Đăng Tôn	8/11/1950	TB 22%	An Lại- An Phụng		x	
44	Phạm Đăng Báu	10/27/1948	Huy nhất	An Lại- An Phụng	x		
45	Phạm Tiến Kiêm	3/26/1958	TB 47%	An Lại- An Phụng	x		
46	Nguyễn Thị An	9/1/1949	Huy nhì	An Lại- An Phụng	x		
47	Phạm Trọng Nhơn	12/26/1946	Huy nhất	An Lại- An Phụng	x		
48	Phạm Tiến Hùng	1/6/1950	Huy nhì	An Lại- An Phụng	x		
49	Nguyễn Tiến Trung	6/2/1949	Huy nhì	Hoàng Lại- An Phụng	x		
50	Nguyễn Thị Hòa	14/03/1963	Con ls Ng Xuân Huy	Hoàng Lại- An Phụng	x		
51	Phạm Duy Tèo	1/2/1935	BB 61%+ Huân ba	Tứ Cường- An Phụng	x		
52	Phạm Duy Ninh	01/01/1946	BB61%	Tứ Cường- An Phụng		x	
53	Phạm Đăng Quyết	10/15/1954	TB 21%	Tứ Cường- An Phụng	x		
54	Nguyễn Đức Chiến	3/20/1951	Huy nhì	Tứ Cường- An Phụng	x		
55	Nguyễn Thế Định	5/5/1946	TB 26%	Tứ Cường- An Phụng		x	
56	Nguyễn Danh Chạnh	5/19/1946	TB 21%	Tứ Cường- An Phụng		x	
57	Nguyễn Thế Hải	5/5/1954	Huy nhì	Tứ Cường- An Phụng	x		
58	Phạm Đăng Gác	4/8/1935	Huân nhì	Tứ Cường- An Phụng	x		
59	Phạm Thị Thuyên	12/16/1962	Con LS Phạm Duy Mỹ	Tứ Cường- An Phụng		x	

60	Phạm Thị Duyên	1/25/1969	Con LS Phạm Duy Mỹ	Tứ Cường- An Phượng	x		
61	Phạm Đăng Ngọc	5/20/1951	Huy nhì	Tứ Cường- An Phượng	x		
62	Nguyễn Danh Lân	4/22/1955	Thương binh	Tứ Cường- An Phượng	x		
63	Nguyễn Thị Hiền	4/22/1955	Con LS Ng Thế Phấn	Phượng Đầu- An Phượng	x		
64	Nguyễn Danh Sắc	5/21/1948	TB 31%+BB61%	Phượng Đầu- An Phượng	x		
65	Nguyễn Bá Phụng	11/10/1929	Huân nhất	Phượng Đầu- An Phượng	x		
66	Nguyễn Danh Bảo	10/1/1948	Huân 3	Phượng Đầu- An Phượng	x		
67	Nguyễn Danh Quý	1/1/1952	TB 21%	Phượng Đầu- An Phượng	x		
68	Bùi Mâu	1/1/1929	Huân nhất Bùi Văn Mâu	Phượng Đầu- An Phượng	x		
69	Nguyễn Thế Dự	5/24/1968	Con LS Nguyễn Thế Luân	Phượng Đầu- An Phượng	x		
70	Nguyễn Văn Thái	6/6/1945	BB61%	Phượng Đầu- An Phượng	x		
71	Bùi Văn Chi	5/10/1950	Huy nhì	Phượng Đầu- An Phượng	x		
72	Lưu Thị Hiền	26/08/1948	Huy nhất	Phượng Đầu- An Phượng	x		
73	Phạm Văn Thắng	23/10/1947	Huy nhất	Phượng Đầu- An Phượng		x	
74	Nguyễn Ngọc Hoan	05/05/1950	TB 21%	Phượng Đầu- An Phượng		x	
75	Nguyễn Thị Huệ	26/12/1949	Huy nhất	Ngoại Đàm- An Phượng	x		
76	Lưu Cung Khôi	30/12/1933	Huân nhì	Ngoại Đàm- An Phượng	x		
77	Nguyễn Danh Thiều	15/6/1945	Huân ba	Ngoại Đàm- An Phượng	x		
78	Đỗ Như Dũng	11/7/1956	TB21%	Ngoại Đàm- An Phượng		x	
79	Phạm Duy Phong	20/4/1905	Huy nhất	Ngoại Đàm- An Phượng	x		
80	Nguyễn Danh Thao	19/12/1955	Thương binh 21%	Ngoại Đàm- An Phượng		x	
81	Nguyễn Danh Tấn	2/8/1954	Huy nhì	Ngoại Đàm- An Phượng	x		
82	Nguyễn Công Thảo	19/5/1951	Con LS+ huy nhất	Văn Xuyên- An Phượng	x		
83	Phạm Đăng Đông	10/2/1953	Bệnh binh	Văn Xuyên- An Phượng	x		
84	Nguyễn Công Mỹ	2/1/1950	Huy nhì	Văn Xuyên- An Phượng		x	
85	Nguyễn Thị Bạng	5/12/1959	Vợ ls Phạm Văn Nhận	Văn Xuyên- An Phượng		x	
86	Nguyễn Danh Chơn	6/30/1940	Huân ba	Phượng Đầu- An Phượng	x		

87	Nguyễn Thị Sơn	12/12/1965	Con ls Nguyễn Thế Phần	Phượng Đầu- An Phượng	x		
88	Nguyễn Văn Liễu	1947	Huy 1	Khu 2, thị trấn Thanh Hà		x	
89	Nguyễn Huy Quê	1947	Huy 1	Khu 3, thị trấn Thanh Hà	x		
90	Bùi Văn Lượng	1964	Con LS.Bùi Văn Lương	Khu 8, thị trấn Thanh Hà	x		
91	Nguyễn Minh Thông	1952	TB + CDHH	Khu 3, thị trấn Thanh Hà	x		
92	Nguyễn Tất Phan	1943	TB 65%	Khu 3, thị trấn Thanh Hà	x		
93	Lê Văn Huỳnh	1948	Huy 1	Khu 1, thị trấn Thanh Hà	x		
94	Nguyễn Thị Vinh	1948	HHC	Khu 3, thị trấn Thanh Hà	x		
95	Lê Đình Nhạ	1944	HHC	Khu 7, thị trấn Thanh Hà	x		
96	Nguyễn Đức Kỳ	1950	BB 61%	Khu 1, thị trấn Thanh Hà		x	
97	Bùi Duy Hảo	1949	TB, CDHH	Khu 7, thị trấn Thanh Hà	x		
98	Đào Văn Nam	1968	Con liệt sĩ	Thôn An Lão - xã Thanh Khê	x		
99	Đình Văn Sửu	1953	Con liệt sĩ	Thôn An Lão - xã Thanh Khê	x		
100	Bùi Quang Trí	1955	Bệnh binh 61%	Thôn Xuân An - xã Thanh Khê	x		
101	Đoàn Văn Tọa	1940	Huân ckc3	Xóm 8, xã Thanh Sơn	x		
102	Trần Trung Hường	1938	Huy Ckc2	Xóm 12, xã Thanh Sơn		x	
103	Vũ Tiến Đê	1948	CDHH, TB	Xóm 10, xã Thanh Sơn	x		
104	Trần Đức Ân	1948	HHC, Quân nhân 15	Xóm 11, xã Thanh Sơn	x		
105	Nguyễn Văn Rê	1937	HCKC 1	Xóm 3, xã Thanh Sơn	x		
106	Nguyễn Văn Thiệp	1972	Thương binh	Xóm 13, xã Thanh Sơn	x		
107	Bùi Thị Tinh	1940	Mẹ LS	Xuân Áng - Thanh Xuân	x		
108	Đỗ Văn Chuẩn	1940	HHC	Trường Giang - Thanh Xuân	x		
109	Nguyễn Thị Nga	1944	HHC	Thôn 1, xã Thanh Xá	x		
110	Quách Đại Chiến	1947	TB 30%	Thôn 1, xã Thanh Xá	x		
111	Nguyễn Quốc Khoái	1948	HHC	Thôn 1, xã Thanh Xá	x		
112	Mạc Văn Thách	1948	TB 31%	Thôn 1, xã Thanh Xá	x		

113	Hoàng Xuân Tuyên	1949	TB 21%	Thôn 2, xã Thanh Xá	x		
114	Nguyễn Thị Thuận	1949	HHC	Thôn 2, xã Thanh Xá	x		
115	Mạc Thị Súc	1926	HHC	Thôn 2, xã Thanh Xá	x		
116	Hoàng Văn Kế	1956	BB 61%	Thôn 3, xã Thanh Xá	x		
117	Quách Đình Tin	1951	HHC	Thôn 3, xã Thanh Xá	x		
118	Quách Đình Quang	1955	BB 71%	Thôn 4, xã Thanh Xá	x		
119	Quách Thị Thư	1961	Vợ LS	Thôn 4, xã Thanh Xá	x		
120	Mạc Văn Phước	1955	HHC	Thôn 2, xã Thanh Xá		x	
121	Nguyễn Văn Hậu	1952	TB 25%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
122	Phạm Văn Lầy (Phạm Văn Thức)	1953	Huy chương KC hạng nhì	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
123	Dương Văn Mùi	1943	Huân chương KC hạng ba	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
124	Lê Văn Lợi	1950	Huy chương KC hạng nhất	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
125	Dương Văn Trì	1954	Huy chương KC hạng nhì	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
126	Đỗ Văn Tước	1956	Thương binh 52%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
127	Nguyễn Thị Thao	1947	Huy chương KC hạng nhất	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
128	Lê Thị Bao	1943	Huy chương KC hạng nhất	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
129	Nguyễn Thị Hân	1928	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
130	Lê Văn Tuấn	1931	Huy chương KC hạng Nhất	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
131	Ngô Duy Kỳ	1943	Thương binh 41%, Bệnh binh 61%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
132	Ngô Duy Dụ	1954	Thương binh B 31%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
133	Đỗ Văn Khánh	1953	Thương binh 41%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	

134	Hoàng Thị Nguyên	1937	Huy chương KC hạng Nhất	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
135	Hoàng Thị Khôi	1945	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
136	Nguyễn Đức Dấu	1945	Bệnh binh 61%	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
137	Phạm Văn Cân	1938	Huy chương KC hạng nhất	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
138	Nguyễn Đức Phú	1935	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
139	Hoàng Thị Thi	1936	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
140	Nguyễn Kim Trọng	1942	Huân chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
141	Đặng Văn Hưng	1969	Con liệt sĩ Đặng Quốc Huy	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
142	Nguyễn Thị Nhuận	1950	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
143	Dương Thị Biên	1952	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
144	Nguyễn Văn Luân	1934	Huân chương KC hạng Ba	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
145	Nguyễn Thị Luyến	1946	Huân chương KC hạng Ba	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
146	Phạm Thị Phần	1941	Huy chương KC hạng Nhì, Vợ liệt sĩ	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
147	Nguyễn Văn Minh	1960	Con liệt sĩ Nguyễn Văn Tạm	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
148	Trần Thị Luán	1959	Con liệt sĩ Trần Văn Lân	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		

149	Nguyễn Đình Bội	1940	Huân chương KC hạng Nhất	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
150	Phạm Ngọc Thành	1943	Huân chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
151	Nguyễn Thế Tranh	1928	Tù đầy	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
152	Phạm Thị Loan	1961	Con liệt sĩ Phạm Văn Lân	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
153	Phạm Văn Linh	1964	Con liệt sĩ Phạm Văn Lân	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
154	Nguyễn Hữu Trường	1939	Bệnh binh 61%	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
155	Phạm Thị Dữ	1936	Thương binh 51%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
156	Lê Văn Bảnh	1938	Huân chương kháng chiến hạng ba	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
157	Trịnh Thị Đào	1967	Con liệt sĩ Trịnh Văn Quỳnh	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
158	Ngô Văn Khóa	1933	Huy chương chiến thắng hạng nhì	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
159	Nguyễn Thị Miên	1969	Con liệt sĩ Nguyễn Văn Ưởng	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
160	Nguyễn Thị Thu	1972	Con liệt sĩ Nguyễn Hữu Lộc	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		
161	Ngô Thế Thiêm	1932	Thương binh 31%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
162	Nguyễn Văn Kha	1941	Huân nhì	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy		x	
163	Mạc Doanh Hoàn	1948	Bệnh binh 63%	Phương La- Cẩm Chế	x		
164	Lê Văn Minh	1955	Thương binh 25%	Du La- Cẩm Chế		x	
165	Trịnh Quang Sơn	1955	Bệnh binh 61%	Nhân Lư- Cẩm Chế	x		
166	Phạm Thị Chinh	1930	Huân chương KC	Phương La- Cẩm Chế		x	
167	Hoàng Văn Phương	1954	Bệnh binh 71%	Du La- Cẩm Chế	x		
168	Nguyễn Quốc Việt	1953	Bệnh binh 81%	Nhân Lư- Cẩm Chế		x	

169	Phạm Văn Biết	1948	Thương binh 35%	Nhân Lư- Cẩm Chế		x	
170	Bùi Huy Tân	1947	Bệnh binh 61%	Phương La- Cẩm Chế	x		
171	Bùi Trung Thông	1955	Thương binh 81%	Phương La- Cẩm Chế		x	
172	Phạm Hoàng Ngân	1945	Bệnh binh 74%	Phương La- Cẩm Chế	x		
173	Lê Văn Vọng	1932	Con Liệt sĩ	Phương La- Cẩm Chế	x		
174	Nguyễn Thị Dân	1934	Mẹ liệt sĩ	Phương La- Cẩm Chế	x		
175	Lê Văn Khuông	1946	Thương binh 51%	Kỳ Tây- Cẩm Chế	x		
176	Tiêu Thị Bảy	1948	Huy chương KC	Kỳ Tây- Cẩm Chế	x		
177	Đặng Văn Hậu	1957	Thương binh 91%	Nhân Lư- Cẩm Chế	x		
178	Tiêu Mạnh Việt	1954	CDHH 41%	Nhân Lư- Cẩm Chế	x		
179	Bùi Thị Nhân	1946	Thương binh 21%	Nhân Lư- Cẩm Chế	x		
180	Vũ Xuân Tề	1950	Bệnh binh 75%	Nhân Lư- Cẩm Chế		x	
181	Hoàng Trung Tá	1943	HHC	Nhân Lư- Cẩm Chế		x	
182	Trần Thị Kim Ca	1946	Con LS	Du La- Cẩm Chế	x		
183	Tiêu Văn Sơn	1958	Thương binh 21%	Nhân Lư- Cẩm Chế	x		
184	Phạm Xuân Trọng	10/12/1953	Huy chương	Cam Lộ, Tân Việt	x		
185	Phạm Xuân Bái	9/5/1945	Huy chương	Cam Lộ, Tân Việt	x		
186	Nguyễn Đăng Vưu	13/3/1951	Huy chương	Cam Lộ, Tân Việt	x		
187	Vũ Thế Hòa	24/4/1954	BB 61%	Cam Lộ, Tân Việt	x		
188	Nguyễn Đức Quảng	1/5/1930	Huy chương	Vạn Tuê, Tân Việt	x		
189	Phạm Xuân Nhiên	1/1/1934	TB 41%	Cam Lộ, Tân Việt	x		
190	Ngô Bá Thuật	1938	BB 61%	Xóm 13 Tân Việt		x	
191	Vũ Tuấn Đình	1936	HHC	Xóm 3 Tân Việt		x	
192	Nguyễn Đăng Tề	1960	TBB 71%	Xóm 1 Tân Việt	x		
193	Nguyễn Đức Diện	1949	Con liệt Sĩ	Xóm 13 Tân Việt		x	
194	Bùi Văn Thặng	1950	HHC	Thôn Mạc Động- Xã Liên Mạc	x		
195	Lương Văn Thẩn	1956	TB 41% CDHH 61%	Thôn Mạc Thủ 2- Xã Liên Mạc	x		
196	Tiêu Công Phương	1948	BB 61%	Thôn Mạc Thủ 2- Xã Liên Mạc	x		

197	Bùi Duy Chiền	1953	TB 21% CĐHH 41%	Thôn Mạc Động- Xã Liên Mạc	x		
198	Nguyễn Văn Thân	1956	CĐHH 60%	Tiêu Xá	x		
199	Phạm Văn Du	1958	Con LS	Mạc Thủ 2	x		
200	Dương Xuân Huệ	1945	HC kháng chiến hạng nhất	Thôn Tiêu Xá- Xã Liên Mạc		x	
201	Tiêu Công Võ	1954	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	Mạc Thủ 1		x	
202	Mạc Văn Động	1955	BB 65%	Văn Mạc		x	
203	Phạm Thị Sửu	1936	Vợ LS	Liên Mạc	x		
204	Mạc Văn Kiện	1936	Huân huy chương	Liên Mạc	x		
205	Mạc Văn Đề	1938	TB suy giảm KNLD 61 %	Liên Mạc	x		
206	Dương Quốc Thắng	1957	BB 61%	Thôn Mạc Động- Xã Liên Mạc		x	
207	Đặng Thị Miên	1942	HHC	Quách An-Thanh An	x		
208	Vũ Khắc Kim	1955	TB21%	Quách An-Thanh An	x		
209	Ngô Văn Minh	1957	CĐHH	Quách An-Thanh An	x		
210	Bùi Quang Lộc	1951	CĐHH	Tiên Tảo-Thanh An	x		
211	Phạm Thị Xuân	1930	Mẹ liệt sĩ Ng Phúc Thanh	Thôn Lang Can 2 xã Thanh Lang		x	
212	Tăng Bá Quỳ	1930	Huân chương kháng chiến hạng hai	Thôn Lang Can 3 xã Thabh Lang	x		
213	Phan Nhật Khur	1952	CĐHH	Thôn Lang Can 2 xã Thanh Lang	x		
214	Bùi Hữu Mai	1955	CĐHH	Thôn Lang Can 2 xã Thanh Lang	x		
215	Phạm Thị Khánh	1937	TNLS	Thôn Lang Can 3 xã Thabh Lang	x		
216	Nguyễn Thế Miên	1950	Huy chương KC chống Mỹ hạng Nhì	Thôn Lang Can 3 xã Thabh Lang	x		
217	Tăng Thị Muồng	1936	Vợ liệt sỹ	Thôn Lang Can 1 xã Thanh Lang		x	
218	Bùi Hữu Hương	1947	TB21%	Quan Khê - Việt Hồng		x	
219	Nguyễn Đình Sơn	1952	TB81%	Cổ Châm 1 - Việt Hồng	x		

220	Nguyễn Hữu Chiến	1949	HCKC H3	Cổ Châm 1 - Việt Hồng	x		
221	Phạm Sĩ Thơ	1953	CDHH	Cổ Châm 1 - Việt Hồng		x	
222	Hoàng Xuân Mịch	1951	Huân chương	Quan Khê - Việt Hồng		x	
223	Phạm Sỹ Riếp	1947	Huân chương KC H3	Cổ Châm 2 - Việt Hồng	x		
224	Lê Văn Hưu	1946	BB 61%	Thôn Nam - Hồng Lạc	x		
225	Vũ Hữu Sừ	1952	TB61%	Thôn Bắc- Hồng Lạc		x	
226	Nguyễn Trọng Sắc	1945	Huân hạng ba	Thôn Đồng Vang- Hồng Lạc	x		
227	Bùi Thị Là	1948	Huân hạng ba	Thôn Đông- Hồng Lạc	x		
228	Nguyễn Trọng Thạc	1953	Huy hạng nhì	Thôn Đồng Vang- Hồng Lạc	x		
229	Nguyễn Thị Hòa (Luyên)	1962	Con liệt sĩ	Thôn Đồng Hới- Hồng Lạc	x		
230	Lê Văn Việp	1952	Thương binh 22%	Thôn Nam- Hồng Lạc	x		
231	Bùi Thị Duyên	1960	Bệnh binh 42%	Thôn Bắc- Hồng Lạc	x		
232	Phạm Thanh Việt	1954	Bệnh binh 61%	Thôn Đồng vang- Hồng Lạc	x		
233	Vũ Thị Bình	1935	Huân chương KC hạng nhì	Thôn Đồng Hới- Hồng Lạc	x		
234	Vũ Hữu Thuỷ	1950	Bệnh binh 65%	Thôn Bắc- Hồng Lạc	x		
235	Bùi Đức Mùi	1950	CDHH	Thôn Đoài- Hồng Lạc	x		
236	Nguyễn Công Thêm	1949	Thương binh 25%	Thôn Bắc- Hồng Lạc	x		
237	Phạm Hồng Thích	1951	Bệnh binh 41%	Thôn Bắc- Hồng Lạc	x		
238	Lê Văn Tuấn	1967	Con liệt sĩ Lê Sỹ Uyên	Thôn Đông- Hồng Lạc	x		
239	Nguyễn Trọng Vính	1949	Bệnh binh 61%	Thôn Đồng Vang- Hồng Lạc	x		
240	Đặng Văn Côi	1958	Thương binh 61%	Thôn Nam - Hồng Lạc	x		
241	Bùi Đức Liên	1954	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Đoài- Hồng Lạc	x		
242	Bùi Duy Căn	1952	Bệnh binh 41%	Thôn Bắc- Hồng Lạc	x		
243	Phạm Thị Bẩy	1947	Huân chương KC hạng ba	Thôn Đồng Vang- Hồng Lạc	x		
244	Nguyễn Trọng Sản	1946	CDHH	Thôn Đồng Vang- Hồng Lạc	x		

245	Nguyễn Duy Trinh	1947	Thương binh 22%	Thôn Nam- Hồng Lạc	x		
246	Vũ Xuân Mộc	1950	Bệnh binh 41%	Thôn Bắc- Hồng Lạc	x		
247	Nguyễn Quốc Tuấn	1956	TB 21%	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang	x		
248	Phạm Duy Kết	1953	TB 21%, CDHH 41%, Tù đầy	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang	x		
249	Nguyễn Trọng Dừa	1948	CDHH 35%	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang	x		
250	Nguyễn Văn Toàn	1957	TB 31%	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang	x		
251	Phạm Thị Tri	1933	HHC	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang		x	
252	Nguyễn Thị Tuyền	1967	Con LS	Thôn Bá Nha, Thanh Quang	x		
253	Lê Đức Thông	1948	HHC	Thôn Đồng Bử, Thanh Quang	x		
254	Lê Đức Bình	1929	HHC	Thôn Đồng Bử, Thanh Quang		x	
255	Mai Văn Thái	1940	TB 41%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang	x		
256	Phạm Văn Phúc	1957	TB 61%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang	x		
257	Lê Văn Tĩnh	1936	TB 21%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang	x		
258	Phạm Quang Đình	1948	Con LS	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang		x	
259	Nguyễn Hải Đăng	1950	TB 31%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang		x	
260	Lê Văn Hường	1938	HHC	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang	x		
261	Lê Văn Can	1950	HHC	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang	x		
262	Trịnh Xuân Đổ	1956	TB 21%	Thôn Hạ Vĩnh, Thanh Quang	x		
263	Nguyễn Văn Tạo	1950	CDHH 35%	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang	x		
264	Nguyễn Văn Thuỷ	1959	BB 61%	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang	x		
265	Lê Thị Bọt	1923	TNLS	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang	x		
266	Phạm Văn Hưởng	1958	TB 28%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang		x	
267	Nguyễn Văn Tuyền	1950	TB 61%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang	x		
268	Nguyễn Văn Cột	1952	BB 41%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang	x		
269	Phạm Đăng Thuy	1953	BB 61%	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang		x	
270	Phạm Văn Thơi	1954	BB61%	Thôn Lĩnh Hoàng, Thanh Quang		x	
271	Lê Duy Lãng	1947	HHC	Thôn Đồng Bử, Thanh Quang		x	
272	Lê Thị Tươi	1953	HHC	Thôn Nhân Hiền, Thanh Quang	x		
273	Lê Thị Chiêm	1936	HHC	Thôn Nhân Hiền, Thanh Quang	x		

274	Lê Công Khánh	1949	BB 61%	Thôn Nhân Hiền, Thanh Quang	x		
275	Bùi Đình Đồng	1945	BB75%	Thôn Ngọc Điểm, Thanh Quang	x		
276	Phạm Trung Lênh	1931	HHC	Thôn Ngọc Điểm, Thanh Quang		x	
277	Phạm Trung Long	1954	BB64%	Thôn Ngọc Điểm, Thanh Quang	x		
278	Nguyễn Văn Sinh	1956	TB 23%	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang		x	
279	Nguyễn Văn Kháng	1944	HHC	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang	x		
280	Nguyễn Văn Tuyên	1965	Con LS	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang	x		
281	Nguyễn Văn Huân	1968	Con LS	Thôn Thanh Lanh, Thanh Quang	x		
282	Lê Đăng Lân	1940	HHC	Thôn Hạ Vĩnh, Thanh Quang	x		
283	Đặng Văn Tiểu	1953	TB 21%	Thôn Nhân Hiền, Thanh Quang		x	
284	Quán Văn Tơ	1952	CDHH 35%	Thôn Nhân Hiền, Thanh Quang	x		
285	Phạm Xuân Ngoạn	1943	TB 51%	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang		x	
286	Phạm Trung Khuê	1938	HHC	Thôn Ngọc Điểm, Thanh Quang		x	
287	Lê Sỹ Khôi	1940	HHC	Thôn Đồng Bử, Thanh Quang	x		
288	Lê Thị Tân	1938	HHC	Thôn Đồng Bử, Thanh Quang		x	
289	Bùi Đình Hùng	1959	TB	Thôn Ngọc Điểm, Thanh Quang		x	
290	Nguyễn Doãn Tài	1948	BB 61%	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang	x		
291	Nguyễn Trọng Biên	1935	HHC	Thôn Phù Tinh, Thanh Quang		x	
292	Lê Thị Thảo	1939	HHC	Thôn Đồng Bử, Thanh Quang		x	
293	Hoàng Quang Lượng	1963	Con liệt sĩ	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
294	Lê Đăng Điều	1961	Con liệt sĩ	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
295	Lê Công Cồn	1940	Huân 3	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
296	Lê Sỹ Chính	1941	TB 21%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường		x	
297	Đặng Văn Thành	1958	BB 41%	Thôn Vĩnh Xá, xã Thanh Cường	x		
298	Nguyễn Văn Thanh	1954	TB85%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
299	Lê Quý Dũng	1953	TB 41%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
300	Lê Thị Thắm	1934	Huy 2	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
301	Vũ Hữu Thạnh	1951	con liệt sĩ	Thôn Vĩnh Xá, xã Thanh Cường		x	
302	Trịnh Văn Chính	1955	Tù Đày	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		

303	Bùi Ngọc Sinh	1948	TB 41%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường		x	
304	Bùi Văn Báo	1955	BB 61%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
305	Lê Quý Bách	1958	TB 31%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường		x	
306	Lê Sỹ Thường	1956	BB61%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
307	Lê Đức Chiêu	1947	BB 61%	Thôn Thành Thịnh, xã Thanh Cường	x		
308	Lê Sỹ Lộc	1946	Huân3	Thôn Thành Thịnh, xã Thanh Cường	x		
309	Lê Sỹ Điềm	1944	CDHH	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường		x	
310	Trịnh Xuân Trọng	1954	Huy 2	Thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường		x	
311	Phạm Văn Tiến	1954	HHC	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
312	Phạm Văn Long	1946	HHC	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
313	Lê Đình Hào	1957	TB 32%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
314	Lê Quý Biệt	1958	TB 61%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
315	Vũ Hồng Duyên	1940	Huy3	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
316	Đồng Văn Lễ	1950	Huy 2	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường		x	
317	Hoàng Thế Thiêm	1959	TB45%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
318	Đồng Văn Bái	1953	Huy 2	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
319	Bùi Xuân Thuỷ	1947	TB41%	Thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường		x	
320	Nguyễn Hồng Tân	1955	TB 29%	Thôn Vĩnh Xá, xã Thanh Cường	x		
321	Lê Sỹ Hinh	1959	TB 36%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
322	Nguyễn Văn Thân	1956	BB 61%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
323	Nguyễn Đức Lành	1953	BB 71%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
324	Nguyễn Thị Khánh	1939	Huy 1	Thôn Vĩnh Xá, xã Thanh Cường	x		
325	Lê Đình Tăng	1952	TB 21%	Thôn Hạ Trường, xã Thanh Cường	x		
326	Lê Thị Phiên	1926	Mẹ liệt sĩ	Thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường	x		
327	Trịnh Tổ Hiền	1947	Huy nhất	Thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường	x		
328	Nguyễn Bá Hùng	1960	TB 35%	Thôn Vĩnh Bình, xã Thanh Cường	x		
329	Lê Sỹ Khiêm	1954	CDHH	Thôn Thành Thịnh, xã Thanh Cường		x	
330	Nông Thị Tú	1976	Con liệt sĩ	Thôn Vĩnh Xá, xã Thanh Cường	x		
331	Phạm Văn Sáng	1954	TB 33%	Tiên Kiều, Thanh Hồng	x		
332	Phùng Đình Rộng	1957	TB 21%	Tiên Kiều, Thanh Hồng	x		

333	Nguyễn Ngọc Trì	1949	BB 41%	Tiên Kiều, Thanh Hồng	x		
334	Nguyễn Văn Nghinh	1950	TB 27%	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
335	Nguyễn Ngọc Phong	1947	BB65%	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
336	Nguyễn Văn Việt	1954	TB 25%	Tiên Kiều, Thanh Hồng	x		
337	Trịnh Văn Trúc	1937	CĐHH	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
338	Lê Quốc Đạt	1939	CĐHH	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
339	Phạm Văn Trắng	1956	TB 21%	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
340	Nguyễn Xuân Nghiem	1955	BB 61%	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
341	Nguyễn Văn Bảy	1947	BB 61%	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
342	Trần Văn Huynh	1955	CĐHH	Lập Lễ, Thanh Hồng	x		
343	Lê Thị Thuỷ	1950	CĐHH	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
344	Trần Văn Mờn	1952	BB 41%	Nhan Bàu, Thanh Hồng		x	
345	Lê Văn Thủy	1953	BB61%	Nhan Bàu, Thanh Hồng		x	
346	Phạm Văn Sự	1955	TB	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
347	Nguyễn Thị Mái	1938	Vợ LS	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
348	Trịnh Xuân Lật	1953	CĐHH	Tiên Kiều, Thanh Hồng	x		
349	Phạm Văn Cờ	1950	TB	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
350	Nguyễn Minh Quý	1948	CĐHH	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
351	Phạm Xuân Chính	1943	CĐHH	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
352	Nguyễn Ngọc Thao	1947	Huy chương KC hạng 2	Tiên Kiều, Thanh Hồng		x	
353	Phạm Văn Nhiều	1952	BB	Nhan Bàu, Thanh Hồng		x	
354	Lê Thị Lèo	1960	Vợ LS	Nhan Bàu, Thanh Hồng		x	
355	Nguyễn Văn Năm	1950	BB	Nhan Bàu, Thanh Hồng	x		
356	Nguyễn Đức Ngọc	1954	TB	Nhan Bàu, Thanh Hồng		x	
357	Nguyễn Xuân Trường	1955	TB 81%	Nhan Bàu, Thanh Hồng		x	

358	Đỗ Minh Cán	1950	Huân chương KC hạng 3	Lập Lễ, Thanh Hồng		x	
359	Đào Văn Nội	1957	Thương binh hạng 4 (21%)	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
360	Phạm Thị Bướm	1944	Huy chương kháng chiến hạng nhất	Thôn Kiên Nhuệ - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
361	Phạm Hồng Đức	1940	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
362	Trịnh Quốc Khản	1940	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Thuần Mỹ - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
363	Nguyễn Văn Tòng	1952	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
364	Nguyễn Văn Bi	1930	Thương binh hạng 4 (21%)	Thôn Thiệu Mỹ - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương		x	
365	Phạm Thị Khuyến	1949	Huân chương kháng chiến hạng nhất	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
366	Phạm Đức Du	1953	Huân huy chương	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
367	Phạm Văn Khoát	1953	Huân huy chương	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
368	Phạm Thị Yên	1932	Mẹ liệt sỹ	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
369	Nguyễn Thiện Lực	1952	Huân huy chương	Thôn Thuần Mỹ - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương		x	
370	Nguyễn Văn Lánh	1956	Huân huy chương	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
371	Nguyễn Văn Biễn	1957	TB 21%	Thuần Mỹ - Vĩnh Lập	x		
372	Trịnh Văn Càng	1958	TB 21%	Thôn Tú Y - xã Vĩnh Lập - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương	x		
373	Nguyễn Hữu Chính	1947	HHKC hạng nhì	Thuần Mỹ - Vĩnh Lập	x		

374	Phạm Văn Phong	1962	Con LS	Thiệu Mỹ - Vĩnh Lập	x		
375	Nguyễn Bá Tảo	1952	Bệnh binh 61%	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
376	Phạm Văn Hải	1955	Bệnh binh 64%	Thôn An Liệt 2, xã Thanh Hải		x	
377	Nguyễn Sinh Diện	1952	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải		x	
378	Lê Văn Âu	1954	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
379	Lê Xuân Thi	1953	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải		x	
380	Nguyễn Danh Đoan	1/1/1937	Huân nhì	Phượng Đầu- An Phượng	x		
381	Nguyễn Văn Thông	1952	Huy chương KC hạng Nhì	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy		x	
382	Lê Văn Động	1956	Thương binh 25%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
383	Nguyễn Thị Miên	1940	Huy chương kháng chiến hạng nhất	Thôn Lại Xá 2, xã Thanh Thủy	x		
384	Mạc Thị Hiên	1944	Huy chương KC hạng nhất	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
385	Nguyễn Văn Giang	1934	CDHH 41%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy		x	
386	Bùi Thị Hiếu	1949	Huy nhì	Thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường	x		
387	Phạm Thanh Long	1952	TB 42%	Thiệu Mỹ - Vĩnh Lập		x	
388	Phạm Trung Rực (Dực)	1949	TB21%	Xóm 2, thôn Đông Phan, Xã Tân An	x		
389	Phạm Sỹ Chu	06/06/1946	TB 31%	Hoàng Lại- An Phượng	x		
390	Nguyễn Thị Ngừ	01/01/1929	Mẹ ls Phạm Hữu Hơ	An Lại- An Phượng	x		
391	Phạm Hữu Bằng	8/20/1946	Huy nhất	Phượng Đầu- An Phượng	x		
392	Đỗ Xuân Tịch	1940	Huân 3	Khu 2, thị trấn Thanh Hà	x		
393	Phạm Hữu Khu (Vợ là bà Phòng)	1945	CDHH	Thôn Xuân An - xã Thanh Khê	x		
394	Nguyễn Văn Kham (Phạm Thị Phượng)	1952	Thương binh 21%	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy	x		

395	Ngô Hữu Hảo (Đỗ Thị Hải)	1945	Bệnh binh 75%	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
396	Lê Chí Quân (Đỗ Thị Loan)	1944	Huân chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Khánh Mậu, xã Thanh Thủy	x		
397	Hoàng Xuân Cải (Dương Thị Thoa)	1951	Con liệt sĩ	Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy		x	
398	Nguyễn Thế Hoàn	1928	TB 31%	Xóm 14 Tân Việt		x	
399	Tăng Văn Hưng	1928	Thương binh	Làng Can 1 - Thanh Lang		x	
400	Lê Sỹ Tảo	1961	Con liệt sĩ Lê Sỹ Uyên	Thôn Đông- Hồng Lạc		x	
401	Lê Văn Ánh	1929	BB 71%	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang	x		
402	Nguyễn Thị Chúc	1935	TNLS	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang	x		
403	Phạm Công Huệ	1932	TB 31%	Thôn Phúc Giới, Thanh Quang	x		
404	Lê Đức Uyên	1923	HHC	Thôn Đồng Bửu, Thanh Quang	x		
405	Lê Thị Cậy	1940	Con LS	Hạ Trường, Thanh Cường		x	
II	Thị xã Kinh Môn				97	49	
1	Đoàn Văn Dăm	1951	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
2	Lê Văn Sơn	1955	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
3	Nguyễn Văn Lượng	1960	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
4	Trần Duy Dũng	1949	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
5	Hoàng Minh Họa	1937	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
6	Phạm Thị Tách	1922	TNLS	Phường Hiệp Sơn	x		
7	Nguyễn Thắng Thuận	1960	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
8	Nguyễn Văn Nhiên	1950	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
9	Nguyễn Tiến Ca	1952	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
10	Nguyễn Văn Ninh	1931	Thương binh	Phường Hiệp Sơn	x		
11	Nguyễn Duy Nền	1947	Tù đầy	Phường Hiệp Sơn		x	
12	Dương Trọng Chiên	1941	Thương binh	Phường Hiệp Sơn		x	
13	Dương Văn Nhật	3/3/1936	Thương binh	Phường Duy Tân	x		
14	Nguyễn Văn Diện	1/1/1952	Bệnh binh	Phường Duy Tân	x		

15	Nguyễn Đình Quảng	1929	Bệnh binh	Phường Thất Hùng	x		
16	Nguyễn Trọng Thú	1948	CDHH	Phường Thất Hùng	x		
17	Dương Văn Mễ	1943	Thương binh	Phường Thất Hùng	x		
18	Nguyễn Văn Thành	1940	Bệnh binh	Xã Bạch Đằng		x	
19	Trần Duy Khánh	1953	Bệnh binh	Xã Bạch Đằng		x	
20	Nguyễn Văn Bản	1958	Thương binh	Xã Bạch Đằng	x		
21	Đỗ Thị Tươi	1952	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
22	Nguyễn Như Thép	1939	HĐKC	Xã Bạch Đằng	x		
23	Nguyễn Văn Thị	1932	HĐKC	Xã Bạch Đằng	x		
24	Trần Thị Tăng	1950	Vợ liệt sĩ	Xã Bạch Đằng	x		
25	Phạm Văn Nhó	1941	HĐKC	Xã Bạch Đằng	x		
26	Ngô Ngọc Huân	1930	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
27	Nguyễn Văn Hiếu	1943	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
28	Bùi Quang Bé	1954	Bệnh binh	Xã Bạch Đằng		x	
29	Nguyễn Xuân Chát	1941	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
30	Nguyễn Văn Cát	1948	Bệnh binh	Xã Bạch Đằng		x	
31	Nguyễn Văn Vẽ	1947	Thương binh	Xã Bạch Đằng	x		
32	Nguyễn Thị Kim	1943	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
33	Nguyễn Thị Non	1935	HĐKC	Xã Bạch Đằng	x		
34	Nguyễn Hữu Ngạn	1940	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
35	Nguyễn Thị Leo	1948	HĐKC	Xã Bạch Đằng		x	
36	Trần Văn Tuấn	1970	Con LS	Xã Bạch Đằng		x	
37	Ngô Doãn Nga	1952	Thương binh	Xã Lê Ninh	x		
38	Đỗ Văn Thọ	1952	Bệnh binh	Xã Lê Ninh	x		
39	Trịnh Thê Tấn	1952	CDHH	Xã Lê Ninh	x		
40	Ninh Văn Bình	1954	CDHH	Xã Lê Ninh	x		
41	Nguyễn Văn Hiên	1949	CDHH	Xã Lê Ninh		x	
42	Nguyễn Quang Trung	1933	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
43	Ngô Thị Hải	1941	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		

44	Phạm Thị Toan	1936	Vợ LS Nguyễn Hùng Sinh	Phường Phạm Thái		x	
45	Đỗ Văn Phang	1933	HĐKC	Phường Phạm Thái		x	
46	Nguyễn Thanh Miện	1949	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
47	Phạm Mệnh Cừ	1952	CĐHH	Phường Phạm Thái	x		
48	Nguyễn Văn Hinh	1933	CĐHH	Phường Phạm Thái		x	
49	Phạm Văn Nho	1960	TNLS	Phường Phạm Thái	x		
50	Nguyễn Văn Đạm	1937	HĐKC	Phường Phạm Thái		x	
51	Lê Đình Triển	1937	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
52	Trịnh Xuân Cư	1955	Bệnh binh	Phường Phạm Thái		x	
53	Vũ Đức Quang	1946	Bệnh binh	Phường Phạm Thái	x		
54	Dương Minh Xướng	1944	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
55	Lương Kim Trọng	1951	HĐKC	Xã Quang Thành		x	
56	Nguyễn Xuân Viêt	1954	CĐHH	Xã Quang Thành		x	
57	Bùi Văn Năng	1955	Bệnh binh	Xã Quang Thành		x	
58	Phạm Công Đoàn	1953	CĐHH	Xã Quang Thành		x	
59	Trần Đức Ôn	1950	CĐHH	Xã Quang Thành		x	
60	Phạm Thị Diễm	1954	TNLS	Xã Quang Thành		x	
61	Nguyễn Văn Vũ	1952	Thương binh	Xã Quang Thành		x	
62	Nguyễn Văn Luồng	1956	Thương binh	Xã Quang Thành		x	
63	Hoàng Văn Huân	1948	Bệnh binh	Xã Quang Thành	x		
64	Phạm Hồng Nhanh	1962	Thương binh	Xã Quang Thành	x		
65	Trần Văn Tổ	1955	CĐHH	Xã Quang Thành		x	
66	Lê Quang Tĩnh	1954	Thương binh	Xã Quang Thành		x	
67	Vũ Bá Phúc	1951	CĐHH	Xã Quang Thành		x	
68	Trần Văn Gióng	1946	Thương binh	Xã Quang Thành	x		
69	Trần Thịnh	1943	HĐKC	Xã Quang Thành		x	
70	Trần Xuân Đầy	1954	Bệnh binh	Xã Quang Thành		x	
71	Trần Văn Tính	1949	Thương binh	Xã Quang Thành		x	
72	Nguyễn Văn Khoan	1950	CĐHH	Xã Quang Thành		x	

73	Nguyễn Ninh Sơn	1955	Thương binh	Xã Quang Thành	x		
74	Hoàng Gia Tài	1951	CĐHH	Xã Quang Thành	x		
75	Nguyễn Văn Lán	1954	Thương binh	Xã Thăng Long		x	
76	Nguyễn Văn Bí	1959	Thương binh	Xã Thăng Long	x		
77	Nguyễn Xuân Toán	1952	Thương binh	Xã Thăng Long	x		
78	Nguyễn Văn Dũng	1938	TNLS	Hiệp Hoà	x		
79	Nguyễn Thị Xuân	1942	TNLS	Hiệp Hoà	x		
80	Nguyễn Văn Chuyên	1958	Thương binh	Hiệp Hoà	x		
81	Mạc Văn Di	1952	Thương binh	Hiệp Hoà	x		
82	Bùi Đình Trã	1952	Thương binh	Thượng Quận	x		
83	Hoàng Văn Phúc	1978	TNLS	Thượng Quận	x		
84	Nguyễn Thanh Xuân	1957	Thương binh	Phường Phú Thứ	x		
85	Nguyễn Minh Nghĩa	1947	Thương binh	Phường Phú Thứ		x	
86	Đinh Thị Kiểm	1948	HĐKC	Phường Phú Thứ	x		
87	Nguyễn Văn Sửu	1954	Thương Binh	Phường Minh Tân	x		
88	Bùi Vinh Mậu	01/01/1933	Bệnh Binh	Phường Minh Tân	x		
89	Vũ Thị Miên	05/7/1949	Vợ LS Trần Văn Đà	Phường Minh Tân	x		
90	Trương Thị Răm	05/02/1945	TNLS	Phường Minh Tân	x		
91	Vũ Đức Ngưỡng	24/4/1947	Thương binh	Phường Minh Tân	x		
92	Phạm Văn Huân	10/1/1945	Thương binh	Phường Minh Tân		x	
93	Trần Đức Kỳ	1946	HĐKC	Xã Hoàn Sơn	x		
94	Nguyễn Văn Tiêu	1930	Thương binh	Phường Hiệp An		x	
95	Đào Thị Chuyên	1943	HĐKC	Phường Hiệp An		x	
96	Hoàng Văn Chiến	1952	Bệnh binh	Phường Hiệp An	x		
97	Nguyễn Văn Quý	1959	Bệnh binh	Phường Hiệp An	x		
98	Nguyễn Văn Giọng	1940	Thương binh	Phường Hiệp An	x		
99	Nguyễn Văn Luận	1955	Thương binh	Phường Hiệp An	x		
100	Nguyễn Sỹ Cừ	1955	CĐHH	Phường Hiệp An	x		
101	Nguyễn Minh Quân	1955	Thương binh	Phường Hiệp An	x		
102	Đỗ Minh Sơn	1940	Bệnh binh	Phường An Lưu		x	

103	Nguyễn Văn Thìn	1941	Bệnh binh	Phường An Lưu	x		
104	Lê Văn Hiến	1953	Thương binh	Phường An Lưu	x		
105	Phạm Thị Hằng	1944	HĐKC	Phường An Lưu	x		
106	Trần Văn Bể	1953	HĐKC	Phường An Lưu	x		
107	Nguyễn Văn Khang	1946	Thương binh	Phường An Lưu	x		
108	Trần Văn Vạn	1930	Bệnh binh	Phường An Lưu	x		
109	Lê Đình Luyện	1952	Bệnh binh	Phường An Lưu	x		
110	Mạc Văn Côi	1947	HĐKC	Phường An Lưu	x		
111	Lê Minh Hợi	1952	Thương binh	Phường An Lưu	x		
112	Nguyễn Văn Thông	1950	Tù đầy	Phường An Lưu		x	
113	Nguyễn Thị Hạnh	1941	HĐKC	Phường An Lưu	x		
114	Phạm Văn Tý	1948	HĐKC	Phường An Lưu	x		
115	Phạm Văn Bé	1950	HĐKC	Phường An Lưu	x		
116	Lê Thị Sao	1949	HĐKC	Phường An Lưu	x		
117	Nguyễn Xuân Thuần	1947	TNLS	Xã Lạc Long		x	
118	Nguyễn Thị Bể	1943	TNLS	Xã Lạc Long	x		
119	Đặng Hồng Quang	1945	Bệnh binh	Xã Lạc Long	x		
120	Hoàng Minh Nậm	1946	Thương binh	Xã Lạc Long		x	
121	Phạm Quang Đan	1952	CĐHH	Xã Lạc Long	x		
122	Nguyễn Thị Uyên	1948	HĐKC	Xã Lạc Long	x		
123	Phạm Văn Lai	1949	HĐKC	Xã Lạc Long	x		
124	Đào Hồng Sử	1950	Bệnh binh	Xã Lạc Long		x	
125	Nguyễn Văn Ngời	1950	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
126	Vũ Đức Nho	1952	Bệnh binh	Xã Minh Hoà	x		
127	Vũ Ngọc Kính	1942	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
128	Nguyễn Văn Đô	1954	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
129	Vũ Văn Mánh	1949	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
130	Trương Xuân Sớm	1936	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
131	Vũ Văn Vân	1961	Thương binh	Xã Minh Hoà	x		
132	Hoàng Văn Y	1942	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		

133	Vũ Hữu Chít	1937	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
134	Bùi Văn Mãng	1941	CĐHH	Xã Minh Hoà	x		
135	Vũ Ngọc Mỹ	1939	Bệnh binh	Xã Minh Hoà	x		
136	Dương Khắc Đợi	1950	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
137	Bùi Khắc Duy	1942	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
138	Vũ Hữu Khái	1929	HĐKC	Xã Minh Hoà		x	
139	Trương Thanh Vở	1938	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
140	Phạm Thị Lương	1946	HĐKC	Xã Minh Hoà	x		
141	Bùi Văn Xét	1949	Thương binh	Xã Minh Hoà		x	
142	Nguyễn Thị Diễm	1929	TNLS	Phường An Sinh	x		
143	Nguyễn Thị Bé	1961	TNLS	Phường An Sinh	x		
144	Nguyễn Đức Nhật	1952	Thương binh	Phường An Sinh	x		
145	Nguyễn Văn Thắm	20/08/1955	Bệnh binh	Phường Hiến Thành	x		
146	Trần Văn Tuấn	03/03/1947	Thương binh	Phường Hiến Thành		x	
III	Thành phố Hải Dương				19	4	
1	Chu Văn Dự	1955	TB	Phường Nam Đồng	x		
2	Nguyễn Văn Thép	1933	TB	Phường Nam Đồng	x		
3	Nguyễn Văn Nhân	1950	Thương binh	Phường Nhị Châu	x		
4	Trần Huy Khanh	1960	Thương binh	Phường Nhị Châu	x		
5	Bùi Văn Dân	1950	Thương Binh	Phường Tứ Minh	x		
6	Đỗ Đình Sứ	1926	Bổ LS	Xã Tiên Tiến	x		
7	Mai Thị Tú	1950	HHC	Xã Tiên Tiến	x		
8	Nguyễn Quang Huân	1940	BB	Xã Tiên Tiến	x		
9	Hoàng Hoài Nghi	1950	BB	Xã Tiên Tiến	x		
10	Nguyễn Thị Tuyền	1953	vợ LS	Xã Tiên Tiến	x		
11	Phạm Thị Ngân	1951	HHC	Xã Tiên Tiến		x	
12	Hoàng Thị Một	1932	Mẹ LS	Xã Tiên Tiến	x		
13	Đồng Văn Toan	1952	HCKC H2	Xã Quyết Thắng	x		
14	Nguyễn Khắc Nhậm	1954	TB 81%	Xã Quyết Thắng	x		

15	Nguyễn Văn Soái	1953	TB 81%	Xã Quyết Thắng	x		
16	Nguyễn Thị Hoạt	1930	Vợ liệt sĩ Lê Văn Phụng	Xã Quyết Thắng	x		
17	Đồng Văn Thắm	1953	Thương binh 61%	Xã Quyết Thắng	x		
18	Vũ Văn Phong	1962	Thương binh 21%	Xã Quyết Thắng		x	
19	Nguyễn Văn Tuất	1945	Tù đầy	Xã Quyết Thắng	x		
20	Lê Văn Thắng	1950	HHC	Xã Quyết Thắng	x		
21	Phạm Hồng Quân	1946	CDHH 41%	Xã Quyết Thắng		x	
22	Phạm Văn Phiêu	1946	Thương binh 21%	Xã Quyết Thắng		x	
23	Nguyễn Văn Thạch	1952	Chất độc hóa học	Xã Ngọc Sơn	x		
IV	Huyện Kim Thành				148	66	
1	Nguyễn Thị Lưu	1928	Mẹ Liệt sỹ	Thôn Tường vu xã Cộng hòa	x		
2	Nguyễn Thị Hương	1947	HHC	Thôn Tường vu xã Cộng hòa	x		
3	Đỗ Hồng Minh	1956	BB 61%	Thôn Tường vu xã Cộng hòa	x		
4	Trần Văn Sỹ	1950	TB 31%	Thôn Thanh Liên	x		
5	Nguyễn Hữu Tiệp	1952	TB 31%	Thôn Thanh Liên	x		
6	Nguyễn Văn Soạn	1951	CDHH	Cổ Dũng	x		
7	Nguyễn Danh Chính	1942	TB+BB	Cổ Dũng	x		
8	Trần Công Tiến	1950	CDHH	Cổ Dũng		x	
9	Nguyễn Danh Bay	1954	TB	Cổ Dũng	x		
10	Đào thị Bung	1940	TNLS	Cổ Dũng		x	
11	Trần Công Rinh	1952	TB	Cổ Dũng	x		
12	Nguyễn Danh Thắng	1957	BB	Cổ Dũng	x		
13	Nguyễn Văn Đương	1955	CDHH	Cổ Dũng		x	
14	Nguyễn Bá Cường	1946	HHC	Cổ Dũng	x		
15	Nguyễn Thị Ngắm	1946	HHC	Cổ Dũng	x		
16	Đặng Thị Yêng	1947	HHC	Cổ Dũng	x		
17	Tô Văn Dục	1940	HHC	Cổ Dũng		x	
18	Nguyễn Duy Cảnh	1950	HHC	Cổ Dũng	x		
19	Nguyễn Ngọc Sáng	1945	HHC	Cổ Dũng		x	

20	Nguyễn Mạnh Hà	1954	CĐHH	Cổ Dũng	x		
21	Nguyễn Thừa Tái	1949	Thương binh B	Vũ Xá		x	
22	Đặng Thị Chỉ	1932	HHC	Vũ Xá		x	
23	Nguyễn Văn Ưu	1937	HHC	Vũ Xá		x	
24	Lê Văn Toàn	1950	HHC	Vũ Xá	x		
25	Lê Văn Vững	1944	CĐHH	Vũ Xá	x		
26	Nguyễn Thị Thía	1938	HHC	Vũ Xá		x	
27	Tạ Văn Ích	1937	Thương binh	Thượng Đổ 1		x	
28	Trần Duy Chấn	1948	HHC	Thượng Đổ 1		x	
29	Nguyễn Hữu Động	1950	Thương binh	Thượng Đổ 1		x	
30	Nguyễn Khắc Điền	1947	HHC	Thượng Đổ 1	x		
31	Nguyễn Quý Triệu	1937	Bệnh binh	Thượng Đổ 1	x		
32	Nguyễn Thị Danh	1940	HHC	Thượng Đổ 1	x		
33	Tạ Văn Sang	1948	CĐHH	Thượng Đổ 2		x	
34	Tô Văn Hưng	1950	CĐHH	Thượng Đổ 2	x		
35	Nguyễn Thị Hè	1947	HHC	Thượng Đổ 2	x		
36	Trần Duy Nghĩa	1954	Bệnh binh	Thượng Đổ 2		x	
37	Nguyễn Đức Long	1958	Thương binh	Thượng Đổ 2		x	
38	Hoàng Văn Thành	1953	Bệnh binh	Bộ Hồ	x		
39	Tạ Văn Chiến	1955	CĐHH	Thượng Đổ 2	x		
40	Nguyễn Văn Đoàn	1950	CĐHH	Thắng Yên	x		
41	Vũ Xuân Vịnh	1949	Bệnh binh	Cam Thượng	x		
42	Vũ Văn Sáng	1978	Con Liệt sĩ	Cam Đông	x		
43	Phạm Thị Nghệ (Xón	1930	Mẹ Liệt sĩ	Bùng Dưa	x		
44	Nguyễn Văn Uyên	1947	Thương binh	Cam Đông	x		
45	Trần Văn Miêu	1951	Con Liệt sĩ	Bùng Dưa		x	
46	Vũ Văn Xuyên	1948	Thương binh	Cam Đông		x	
47	Lê Văn Tường	1949	Thương binh	Xuân Mang	x		
48	Nguyễn Xuân Bẩy	1944	Thương binh	Xuân Mang	x		
49	Nguyễn Tiến Mãi	1953	Huân Huy Chương	Bùng Dưa	x		

50	Phạm Văn Vững	1977	Con Liệt sĩ	An Bình	x		
51	Vũ Văn Hệ	1954	Thương binh	Cam Thượng	x		
52	Vũ Xuân Đạm	1954	Con Liệt sĩ	Bùng Dừa		x	
53	Nguyễn Thị Thúy	1966	Con Liệt sĩ	Bùng Dừa		x	
54	Nguyễn Thị Mùi	1942	HHC	Phường Duệ, Kim Xuyên	x		
55	Bùi Thị Vân	1944	HHC	Phường Duệ, Kim Xuyên	x		
56	Vũ Ngọc Toán	1954	Thương binh	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
57	Phạm Văn Sơn	1954	Thương binh	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
58	Vũ Đình Mên	1955	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên		x	
59	Vũ Thị Nghia	1945	TNLS	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên		x	
60	Phạm Văn Nha	1931	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
61	Dương Văn Nhờ	1947	HHC	Thiện Đáp	x		
62	Mạc Văn Chanh	1938	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
63	Vũ Văn Săn	1947	BB71%	thôn Dưỡng Thái Nam, xã Phúc Thành	x		
64	Vũ Thị My	1962	Thân nhân liệt sỹ	thôn Dưỡng Thái Trung, xã Phúc Thành	x		
65	Đỗ Đình Quyết	1958	BB61%	thôn Dưỡng Thái Trung, xã Phúc Thành	x		
66	Đỗ Văn Săn	1950	TB21%	thôn Dưỡng Thái Trung, xã Phúc Thành	x		
67	Vũ Văn Nhị	1965	TNLS (ConLS)	xã Phúc Thành	x		
68	Vũ Văn Nhung	1954	HHC + tù đầy	thôn Dưỡng Thái Bắc, xã Phúc Thành		x	
69	Dương Văn Cảo	1942	HHC	Khu Đồng Văn		x	
70	Bùi Văn Thuật	1952	CĐHH 35%	Khu Đồng Văn	x		
71	Bùi Quý Lợi	1950	Thương binh 22%	Khu An Thái		x	
72	Đỗ Trọng Lâm	1945	HHC	Khu An Thái	x		
73	Hứa Xuân Hải	1938	CĐHH 41%	Khu An Thái	x		
74	Nguyễn Xuân Hoàng	1955	CĐHH 41%	Khu Tân Phú		x	

75	Đoàn Văn Thắng (Đoàn Văn Thắng)	1952	CDHH 61%	Khu Ga	x		
76	Vũ Văn Tôn	1946	Thương binh 64%	Khu Tân Phú		x	
77	Trịnh Thị Thụy	1935	HHC	Khu Đồng Văn	x		
78	Nguyễn Thị Soai	1940	HHC	Khu Đồng Văn		x	
79	Đoàn Thị Quế	1968	Con liệt sĩ	Khu Tân Phú		x	
80	Lê Văn Hựu	1958	Thương binh 21%	Khu Đồng Văn		x	
81	Nguyễn Tiến Hà	1953	Thương binh	Khu Tân Phú		x	
82	Nguyễn Thị Lây	1940	HHC	Khu Đồng Văn		x	
83	Nguyễn Hữu Khả	1936	Thương binh	Công Khê	x		
84	Đỗ Văn Đờ	1949	Bệnh binh	Lương Xá Bắc	x		
85	Trần Hồng Phê	1961	Con đẻ LS	Phương Tân	x		
86	Nguyễn Thị Hà	1931	Huân Huy Chương	Phương Tân	x		
87	Hoàng Văn Kỹ	1952	Thương binh	Vân Dương		x	
88	Nguyễn Văn Đăng	1928	Tù đầy	Vân Dương		x	
89	Nguyễn Xuân Võ	1955	Bệnh binh	Vân Dương	x		
90	Đỗ Hữu Huân	1955	CDHH	Phương Tân	x		
91	Trần Văn Quyết	1964	Con liệt sỹ	Cổ Phục Bắc	x		
92	Vũ Ngọc Nga	1953	CDHH	Lương Xá Bắc	x		
93	Nguyễn Văn Thuộc	1942	Huân Huy Chương	Vân Dương	x		
94	Nguyễn Trọng Hoát	1946	Huân Huy Chương	Phương Tân		x	
95	Đinh Văn Thành	1967	Thương binh	Thôn Quang Khải, xã Kim Anh	x		
96	Nguyễn Đức Nhập	1950	CDHH 41%	Thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh	x		
97	Trần Đức Giang	1954	CDHH 41%	Thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh		x	
98	Đỗ Thị Vượng	1950	CDHH 61%	Thôn Đồng Mỹ, xã Kim Anh	x		
99	Nguyễn Văn Quang	1953	CDHH 41%	Thôn Lễ Độ, xã Kim Anh	x		
100	Vũ Đình Quang	1949	CDHH 61%	Thôn Lễ Độ, xã Kim Anh		x	
101	Nguyễn Thanh Đàm	1950	TB 51%	Thôn Lễ Độ, xã Kim Anh		x	
102	Trần Quang Trung(Ch)	1950	Thương binh	Bằng Lai	x		
103	Nguyễn Chí Tân	1937	Bệnh binh	Bằng Lai		x	
104	Bùi Thiên Lý	1947	Bệnh binh	Quảng Đạt	x		

105	Nguyễn Văn Phú	1947	HHC	Dưỡng Mông	x		
106	Nguyễn Ngọc Đoàn	1940	HHC	Dưỡng Mông	x		
107	Lê Xuân Nhuận	1947	HHC	Dưỡng Mông		x	
108	Vũ Văn Dinh	1954	HHC	Băng Lai	x		
109	Trần Thanh Bình	1952	HHC	Băng Lai	x		
110	Phạm Thanh Bình	1949	CĐHH	Quảng Đạt	x		
111	Trần Thế Tùng	1950	HHC	Băng Lai	x		
112	Hoàng Minh Đừ	1953	Thương binh	Quảng Đạt	x		
113	Nguyễn Công Huân	1955	Bệnh binh	Băng Lai	x		
114	Phạm Thị Thật	1933	Thân nhân liệt sĩ	Quảng Đạt		x	
115	Nguyễn Văn Trang	1961	Thân nhân liệt sĩ	Băng Lai	x		
116	Trần Hùng Mạnh	1956	Bệnh binh	Quảng Đạt	x		
117	Trần Văn Lô	1942	Thương binh	Quảng Đạt	x		
118	Nguyễn Tiến Dũng	1953	HHC	Băng Lai	x		
119	Nguyễn Thị Phương	1940	Thân nhân liệt sĩ	Dưỡng Mông	x		
120	Phạm Văn Hoi	1945	Thương binh	Quảng Đạt		x	
121	Phạm Xuân Hiệu	1954	Bệnh binh	Quảng Đạt	x		
122	Hoàng Đức Chiến	1951	Thương binh	Băng Lai		x	
123	Nguyễn Huy Hạ	1953	CĐHH	Băng Lai		x	
124	Ngô Văn Nhã	1941	HHC	Thôn Phù Tả 2, xã Kim Định	x		
125	Nguyễn Thị Thịn	1945	Huân huy chương	Thôn Phù Tả 1, xã Kim Định	x		
126	Phạm Văn Đắp	1953	CDDHH 41%	Thiên Đông xã Kim Tân	x		
127	Đinh thế Trung	1944	Đối tượng K	Thiên Xuân xã Kim Tân		x	
128	Vũ Văn Thật	1949	TB 23%	Thôn Viên Chử xã Kim Tân		x	
129	Đoàn Hữu Yên	1961	TB 23%	Thôn Hải Ninh xã Kim Tân	x		
130	Đồng Văn Hanh	1958	BB 61%	Thôn Hải Ninh xã Kim Tân	x		
131	Đồng Thị Liễu	1971	Con liệt sĩ	Thôn Phong Nội xã Bình Dân	x		
132	Tô Văn Biết	1953	HHC	Thôn Phát Minh xã Bình Dân	x		
133	Nguyễn Văn Mùi	12/3/1955	Bệnh binh	Thôn Trung Tuyển xã Bình Dân		x	
134	Nguyễn Văn Xuân	1/1/1948	Đa Cam HHC	Thôn Phú Nội xã Bình Dân		x	

135	Lục Đức Tuyên	1946	Thương binh	Thôn Tân Tạo xã Bình Dân	x		
136	Nguyễn Tiến Dũng	1955	Thương binh	Lạc Thiện	x		
137	Đông Quang Tài	1944	HHC	Bắc Thắng	x		
138	Đỗ Văn Tẻo	1957	Bệnh binh	Thái Nguyên	x		
139	Đông Quang Trung	1948	Thương binh	Bắc Thắng	x		
140	Nhâm Công Đoàn	1951	HHC	Trung Hạng		x	
141	Đông Văn Lưu	1936	HHC	Cao Ngô		x	
142	Đoàn Phạm Duyệt	1936	TNLS	Bắc Thắng	x		
143	Đông Văn Tuyên	1954	CDHH	Bắc Thắng	x		
144	Nguyễn Văn Thiệp	1947	HHC	Hưng Hòa		x	
145	Đông Văn Tòng	1941	HHC	Bắc Thắng	x		
146	Đông Văn Trác	1931	HHC	Bắc Thắng		x	
147	Đông Văn Trạc	1934	HHC	Bắc Thắng		x	
148	Nguyễn Văn Phơ	1947	Bệnh binh	Hưng Hòa	x		
149	Đông Thị Kiên	1946	TNLS	Bắc Thắng	x		
150	Đoàn Văn Phú	1965	TNLS	Cao Ngô	x		
151	Phạm Văn Vinh	1960	TNLS	Hưng Hòa	x		
152	Nguyễn Minh Thuận	1955	Bệnh binh	Lạc Thiện		x	
153	Phạm Văn In	1955	CDHH	Bắc Thắng	x		
154	Đông Xuân Sửa	1953	Thương binh	Hưng Hòa	x		
155	Đông Văn Khiên	1948	HHC	Cao Ngô		x	
156	Đông Chí Nghiêm	1951	Thương binh	Hưng Hòa	x		
157	Đoàn Thị Chót	1935	HHC	Bắc Thắng		x	
158	Đào Văn Xuya	1954	HHC	Lạc Thiện		x	
159	Lương Văn Soạn	1945	HHC	Thái Nguyên	x		
160	Nguyễn Thị Tuyết	1949	HHC	Bắc Thắng	x		
161	Nguyễn Ngọc	1942	HHC	Hưng Hòa	x		
162	Nguyễn Quốc Trọng	1942	Bệnh binh	Trung Hạng	x		
163	Đoàn Quốc Ry	1954	HHC	Cao Ngô	x		
164	Đông Văn Thân	1934	HHC	Cao Ngô	x		

165	Đồng Văn Ngu	1936	HHC	Lạc Thiện	x		
166	Nguyễn Văn Hoài	1947	HHC	Hưng Hòa	x		
167	Nguyễn Văn Lừ	1947	HHC	Thái Nguyên		x	
168	Đồng Văn Cự	1938	HHC	Hưng Hòa	x		
169	Trần Văn Được	1933	HHC	Thái Nguyên	x		
170	Nguyễn Thị Rẻo	1931	Thân nhân Liệt sĩ	thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm	x		
171	Nguyễn Hữu Tụng	1942	HHC	thôn Đồng xá Nam, xã Đồng Cẩm	x		
172	Nguyễn Đăng Tam	1951	HHC	thôn Đồng xá Nam, xã Đồng Cẩm	x		
173	Tăng Thị Giá	1933	HHC	thôn Minh Tiến, xã Đồng Cẩm	x		
174	Đỗ Công Lễ	1946	HHC	thôn Quảng Bình, xã Đồng Cẩm	x		
175	Nguyễn Đình Chứng	1955	Thương binh 41%	thôn Đồng xá Bắc, xã Đồng Cẩm	x		
176	Nguyễn Đình Quý	1937	HHC	thôn Đại Đồng, xã Đồng Cẩm	x		
177	Nguyễn Trung Tuyển	1945	Chất độc hóa học	thôn Đồng xá Nam, xã Đồng Cẩm		x	
178	Nguyễn Duy Khương	1935	HHC	thôn Minh Tiến, xã Đồng Cẩm		x	
179	Lưu Văn Dũng	1955	Bệnh Binh	Tân Tiến		x	
180	Nguyễn Xuân Đông	1942	Bệnh binh	Nguyễn Bao		x	
181	Vũ Thị Hòa	1941	Vợ LS	Nguyễn Bao	x		
182	Lưu Xuân Khải	1954	HHC	Kim Định	x		
183	Nguyễn Đức Đăng	1954	Bệnh binh	Nguyễn Bao	x		
184	Quán Đức Sấn	1950	HHC	Nguyễn Bao	x		
185	Đồng Thị Xuân	1964	Con	Văn Thọ		x	
186	Ngô Quang Tạo	1961	Thương binh	Kiến Lễ	x		
187	Vũ Đức Thụy	1950	HHC	Nguyễn Bao	x		
188	Vũ Văn Quýt	1950	Bệnh binh	Văn Thọ	x		
189	Phạm Văn Beng	1948	CĐHH	Tân Tiến	x		
190	Đào Thị Chính	1944	HHCKC	Nguyễn Bao	x		
191	Lưu Quang Vĩnh	1950	Bệnh binh	Nguyễn Bao	x		
192	Vũ Đức Hành	1938	Thương Binh	Nguyễn Bao	x		
193	Vũ Huy Thanh	1953	Bệnh Binh	Kim Định	x		
194	Nguyễn Văn Huê	1954	Thương Binh	Kiến Lễ	x		

195	Nguyễn Văn Sơn	1941	Con LS	Đại tiên	x		
196	Nguyễn Quang Tạo	1957	Thương Binh	Đình Giọng	x		
197	Nguyễn Văn Mưu	1957	Thương Binh	Đình Giọng	x		
198	Lê Thị Chạm	1933	Thân nhân liệt sỹ	Nguyễn Bao	x		
199	Nguyễn Thanh Thảo	1945	HHC	Kim Định		x	
200	Ngô Xuân Đoán	1947	Thương binh	Kim Định	x		
201	Nguyễn Văn Thắng	1952	CDHH	Nguyễn Bao	x		
202	Nguyễn Văn Bạch	1966	Thân nhân liệt sỹ	Nguyễn Bao	x		
203	Nguyễn Thị Bé	1957	Thân nhân liệt sỹ	Đình Giọng		x	
204	Nguyễn Văn Bình	1955	Huân huy chương	Thôn Đồng Kênh, xã Tam Kỳ	x		
205	Nguyễn Văn Thông	1959	Con LS	Thôn Nghĩa Xuyên, xã Tam Kỳ	x		
206	Nguyễn Văn Bắp	160	Con LS	Thôn Nghĩa Xuyên, xã Tam Kỳ	x		
207	Nguyễn Văn Tám	1954	Thương binh	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ	x		
208	Bùi Đức Văn	1947	Huân huy chương	Thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ	x		
209	Sái Thị Dậu	1970	Con liệt sỹ	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ	x		
210	Vũ Đình Hoạt	1941	Bệnh binh	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ		x	
211	Nguyễn Văn Bắc	1948	Huân huy chương	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ	x		
212	Hoàng Văn Đọt	1937	Huân huy chương	Thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ		x	
213	Nguyễn Đức Phan	1935	Huân huy chương	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ	x		
214	Vũ Thị Thảo	1945	Huân huy chương	Thôn Đồng Kênh, xã Tam Kỳ	x		
V	Huyện Bình Giang				11	6	
1	Bùi Đức Chính	1940	CDHH	Me Vàng - Vĩnh Hồng		x	
2	Vũ Đào Hiệp	1955	Thương binh 21% và CDHH 41%	My Thử - Vĩnh Hồng		x	
3	Vũ Đình Tám	1947	Thương Binh 26%	Tân Hưng - Tân Việt		x	
4	Lê Thị Mười	1938	Vợ LS	Tó - Thái Học		x	
5	Đỗ Thị Nguyệt	1934	Vợ LS	Phú Khê - Thái Học		x	
6	Hà Đức Bôi	1940	CDHH	Cao Xá - Thái Hòa		x	
7	Phạm Văn Thoại	1953	Bệnh Binh 75%	Trình Nữ - Hồng Khê	x		
8	Lê Thị Lịch	1940	Vợ LS	Thị Tranh - Thúc Kháng	x		

9	Hoàng Văn Chiến	1953	Thương Binh 25%	Thị Tranh - Thúc Kháng	x		
10	Nguyễn Thế Lượng	1952	TB + BB	Tào Khê - Thúc Kháng	x		
11	Lê Văn Sửu	1933	Thương Binh	Sôi Cầu - Thái Học	x		
12	Lê Hồng Văn	1945	Thương Binh	Tó - Thái Học	x		
13	Lê Thị Đĩnh	1933	Vợ LS	Tó - Thái Học	x		
14	Vũ Thị Bạ	1931	Tuất LS	Cây - Long Xuyên	x		
15	Vũ Huy Hảo	1943	Người HĐKC	Mộ Trạch - Tân Hồng	x		
16	Vũ Thị Cử	1937	Vợ LS	Trạch Xá - Tân Hồng	x		
17	Nguyễn Văn Đồng	1945	CDHH 81%	Bì Đồ- Cổ Bì	x		
VI	Huyện Gia Lộc				95	36	
1	Nguyễn Đức Thuận	1959	BB64%	Gia Khánh	x		
2	Nguyễn Tấn Đạt	1940	HCKC hạng 3	Gia Khánh		x	
3	Nguyễn Thị Mơ	1950	HCKC hạng II	Gia Khánh	x		
4	Nguyễn Đức Khương	1953	BB 61%	Gia Khánh	x		
5	Lê Hòa Á	1943	TB41%	Tân Tiến	x		
6	Hoàng Xuân Quyết	1946	BB61%	Thống Nhất		x	
7	Lê Bắc Việt	1950	BB61%	Thống Nhất	x		
8	Phạm Văn Thành	1949	TB31%	Thống Nhất		x	
9	Phạm Văn Minh	1940	Huân chương KC	Thống Nhất	x		
10	Nguyễn Công Tham	1947	Thương binh	Đức Xương	x		
11	Trần Văn Đề	1957	Bệnh binh	Đức Xương	x		
12	Nguyễn Văn Lầy	03/2/1959	BB	Quang Minh	x		
13	Phạm Quý Lộc	25/01/1948	BB31%	Thống Kênh		x	
14	Phạm Văn Điều	5/15/1948	Huân chương KC3	Thống Kênh		x	
15	Nguyễn Đức Chạc	3/5/1926	HHC	Lê Lợi	x		
16	Mai Thị Tấn	1/1/1942	Vợ LS	Lê Lợi	x		
17	Nguyễn Văn Biều	1/1/1939	TB21%	Lê Lợi		x	
18	Nguyễn Văn Nghiệp	1/1/1939	HHC	Lê Lợi		x	

19	Nguyễn Văn Lạp	1/1/1932	HHC	Lê Lợi	x		
20	Phạm Duy Nhạ	1933	TB21%	Lê Lợi	x		
21	Vũ Thị Phần	1940	HCKC	Hoàng Diệu	x		
22	Trương Thế Phát	1954	HCKC	Hoàng Diệu	x		
23	Trần Văn Cáp	1940	BB 61%	Hoàng Diệu	x		
24	Phạm Văn Đạo	1940	CĐHH 35%	Hoàng Diệu	x		
25	Nguyễn Đình Tân	1932	HCKC	Hoàng Diệu		x	
26	Đặng Văn Định	1950	Thương binh 75%	Hoàng Diệu	x		
27	Nguyễn Xuân Sách	1947	BB 56%	Hoàng Diệu	x		
28	Nguyễn Văn Thúi	1959	BB 45%	Hoàng Diệu	x		
29	Nguyễn Văn Chiến	1951	TB 31%	Hoàng Diệu	x		
30	Phạm Văn Chúng	1/1/1955	Thương binh 4/4	Phạm Trần	x		
31	Phạm Văn Dư	7/15/1935	Thương binh 4/4	Phạm Trần	x		
32	Phùng Danh Đàm	3/23/1950	CĐHH	Phạm Trần	x		
33	Hà Thành Chương	01/01/1936	Bệnh binh 61%	Phạm Trần	x		
34	Nguyễn Tiến Thiêm	10/02/1957	Thương binh 4/4	Phạm Trần	x		
35	Nguyễn Văn Ngừng	26/4/1952	TB 25%	Phạm Trần	x		
36	Vũ Tiến Dũng	19/5/1958	Thương binh 2/4	Phạm Trần	x		
37	Trần Quang Bảo	03/10/1957	TB 61%	Phạm Trần	x		
38	Nguyễn Văn Đình	01/5/1954	CĐHH 75%	Phạm Trần	x		
39	Phạm Văn Đông	17/8/1956	BB 41%	Phạm Trần	x		
40	Nguyễn Văn Chín	1934	Người HĐKC	Đông Quang	x		
41	Nguyễn Văn Lư	1942	TB 22%	Đông Quang	x		
42	Nguyễn Thị Luật	1940	Vợ Ls	Toàn Thắng		x	
43	Phạm Đức Nhuận	1959	TB55%	Toàn Thắng		x	
44	Phạm Thị Lừu	1953	BB71%	Toàn Thắng	x		
45	Nguyễn Thị Sánh	1939	Vợ LS	Toàn Thắng		x	
46	Phạm Thị Bê	1925	Mẹ LS	Toàn Thắng		x	
47	Phạm Xuân Miên	1953	BB61%	Toàn Thắng	x		
48	Đỗ Văn Long	1963	Con LS	Toàn Thắng	x		

49	Nguyễn Văn Thầu	1936	TB61%	Toàn Thắng	x		
50	Nguyễn Đình Nhã	19/8/1953	TB 81%	Gia Tân	x		
51	Bùi Huy Quỳ	1/12/1954	BB 61%	Gia Tân	x		
52	Lê Thị Thang	1/1/1932	Vợ Liệt sỹ	Gia Tân	x		
53	Tăng Văn Phịch	2/5/1950	CDHH 61%	Gia Tân	x		
54	Nguyễn Trọng Bằng	26/12/1954	TB24%, BB 61%	Gia Tân		x	
55	Phạm Việt Thê	19/4/1947	TB 31%	Gia Tân		x	
56	Nguyễn Thị Khôi	21/10/1948	Vợ Liệt sỹ	Gia Tân		x	
57	Nguyễn Công Hoan	20/4/1956	TB 23%	Gia Tân	x		
58	Nguyễn Hoàng Bốn	10/6/1954	BB 61%	Gia Tân		x	
59	Phạm Duy Đăng	14/9/1944	BB 61%	Gia Tân	x		
60	Đỗ Văn Truyền	1954	BB61%	Nhật Tân	x		
61	Phạm Thị Gái	1923	Mẹ liệt sĩ	Nhật Tân		x	
62	Phạm Văn Tường	1950	TB21%	Nhật Tân		x	
63	Phạm Thị Độ	1955	vợ liệt sĩ	Nhật Tân	x		
64	Nguyễn Minh Thiện	1939	HCKC H2	Nhật Tân	x		
65	Nguyễn Văn Quý	1940	HCKC H2	Nhật Tân		x	
66	Nguyễn Đức Tám	1958	TB	TT Gia Lộc		x	
67	Nguyễn Thành Cấn	1954	TB	TT Gia Lộc	x		
68	Vũ Văn Cru	1955	BB	TT Gia Lộc		x	
69	Cao Thọ Tôn	1957	TB	TT Gia Lộc	x		
70	Nguyễn Mạnh Sáng	1954	TB	TT Gia Lộc	x		
71	Đỗ Văn Phúc	1953	TB	TT Gia Lộc	x		
72	Bùi Quang Quý	1955	BB	TT Gia Lộc	x		
73	Hoàng Đức Hà	1958	TB	TT Gia Lộc	x		
74	Đặng Duy Khoa	1950	TB	TT Gia Lộc	x		
75	Vũ Hữu Ba	1952	Thương binh	TT Gia Lộc	x		
76	Nguyễn Khắc Liên	1954	Bệnh Binh	TT Gia Lộc		x	
77	Đoàn Thị Mầm	05/6/1950	HCKC	Yết Kiêu	x		

78	Nguyễn Phương Thanh	02/02/1950	HCKC	Yết Kiêu		x	
79	Vũ Xuân Nhiên	02/08/1936	HHC	Yết Kiêu	x		
80	Phạm Văn Ngót	10/10/1956	BB	Yết Kiêu		x	
81	Hoàng Văn Lê	16/6/1954	Da cam	Yết Kiêu	x		
82	Đoàn Văn Côn	16/04/1950	Huy chương 1	Yết Kiêu	x		
83	Phạm Văn Lương	26/12/1954	Huy chương 2	Yết Kiêu	x		
84	Đoàn Văn Phiệt	12/12/1942	HHC-bị mất	Yết Kiêu	x		
85	Đoàn Văn Tôn	2/6/1949	Huân chương 3	Yết Kiêu	x		
86	Đoàn Bá Phiếu	1/1/1961	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
87	Hoàng Văn Quý	20/8/1951	Bệnh Binh	Yết Kiêu		x	
88	Phạm Duy Đồi	18/2/1953	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
89	Vũ Đăng Cân	12/4/1950	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
90	Phạm Đình Bình	02/5/1950	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
91	Lê Quang Mậu	1955	Bệnh Binh	Yết Kiêu	x		
92	Phạm Thị Thúy	02/3/1960	Vợ LS	Yết Kiêu	x		
93	Phạm Đình Viên	1957	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
94	Vũ Ngọc Năm	10/10/1952	Da cam	Yết Kiêu	x		
95	Trần Đình Vính	10/12/1946	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
96	Phạm(Nguyễn)Thị Phai	6/3/1939	Vợ LS	Yết Kiêu		x	
97	Đặng Trần Thiệu	01/01/1959	Thương Binh	Yết Kiêu		x	
98	Đặng Trần Khanh	14/7/1948	Thương Binh	Yết Kiêu		x	
99	Lê (Phạm)Thị Giáp(Gáp)	1940	Vợ LS	Yết Kiêu		x	
100	Tăng Đức Bộ	10/22/1952	Huy chương	Yết Kiêu		x	
101	Tăng Thị Dịu (Dịu)	06/02/1944	Huân Chương	Yết Kiêu	x		
102	Phạm Văn Biểu	22/11/1951	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
103	Phạm Văn Bất	09/11/1939	Huy chương	Yết Kiêu	x		
104	Vũ Văn Trái	14/8/1952	Thương Binh	Yết Kiêu	x		

105	Nguyễn Phương Trun	1/1/1947	Thương Binh	Yết Kiêu	x		
106	Vũ Văn Tươi	1957	Thương binh	Đoàn Thượng		x	
107	Vũ Nhất Trường	1950	Bệnh binh	Đoàn Thượng	x		
108	Bùi Trung Sơn	1954	Thương binh	Đoàn Thượng	x		
109	Mai Xuân Phòng	1932	HHC	Đoàn Thượng		x	
110	Nguyễn Văn Thiên (T	1965	Thôn Đuôi	Đoàn Thượng	x		
111	Nguyễn Văn Vẽ	1949	HHC	Đoàn Thượng	x		
112	Phạm Xuân Khôi	1953	Bệnh binh	Đoàn Thượng	x		
113	Lê Thạc Giang	1960	TB 21%	Đoàn Thượng	x		
114	Đặng Tiến Bạo	1952	TB 21%	Đoàn Thượng	x		
115	Nguyễn Thị Thảo	1922	Mẹ LS	Đoàn Thượng		x	
116	Nguyễn Văn Chấn	1948	TB 21%	Đoàn Thượng		x	
117	Đặng Quang Tuyên	1940	HHC	Đoàn Thượng	x		
118	Phạm Văn Tùng	1955	Thương binh B 21%	Gia Lương	x		
119	Vũ Tiến Điền	1960	Bệnh binh	Gia Lương	x		
120	Phạm Văn Toán	1955	BB 81%	Gia Lương	x		
121	Đoàn Thanh Huyền	1953	CDHH 41%	Gia Lương	x		
122	Vũ Đình Giản	1951	TB 21%	Gia Lương	x		
123	Nguyễn Văn Hiền	1952	CDHH 35%	Gia Lương		x	
124	Phạm Xuân Hòe	1943	TB 31%	Gia Lương	x		
125	Nguyễn Xuân Ngọc	1953	Bệnh binh 61%	Gia Lương		x	
126	Đông Đức Vọng	1954	Thương binh	Gia Lương	x		
127	Nguyễn Văn Khởi	10/10/1957	TB 28%	Phạm Trần	x		
128	Đoàn Trường Quang	1948	Thương binh 71%	Gia Lương	x		
129	Phạm Thị Ngọt	1945	Vợ liệt sĩ	Gia Lương	x		
130	Vũ Văn (Quang) Chử	14/10/1955	Bệnh binh	Yết Kiêu	x		
131	Vũ Văn Hạch	10/20/1946	Thương binh	Yết Kiêu	x		
VII	Huyện Thanh Miện				112	50	
1	Vũ Quang Nhựt	1952	CDHH	Thị trấn TM	x		
2	Phạm Văn Sỹ	1940	TB	Thị trấn TM	x		

3	Vũ Huy Đại	1933	CDHH	Thị trấn TM	x		
4	Nguyễn Văn Bản	1952	BB	Thị trấn TM		x	
5	Nguyễn Xuân Ủy	1954	BB	Thị trấn TM	x		
6	Nguyễn Công Khả	1936	BB	Thị trấn TM		x	
7	Phạm Thị Khép	1939	TNLS	Thị trấn TM	x		
8	Vũ Trọng Khanh	1945	CDHH	Thị trấn TM	x		
9	Phạm Quang Hiện	1955	CDHH	Thị trấn TM	x		
10	Vũ Văn Mão	1949	TB	Thị trấn TM		x	
11	Phạm Quang Ngải	1943	HĐKC	Thị trấn TM		x	
12	Phạm Thị Xuyên	1960	TNLS	Thị trấn TM	x		
13	Nguyễn Thị Lênh	1958	TNLS	Thị trấn TM	x		
14	Vũ Thị Vế	1924	TNLS	Thị trấn TM	x		
15	Phạm Thị Ga	1950	HĐKC	Thị trấn TM		x	
16	Phạm Tiến Công	1952	HĐKC	Thị trấn TM	x		
17	Trần Quốc Viên	1950	CDHH	Tứ Cường		x	
18	Đỗ Thị Liên	1940	HHC	Tứ Cường	x		
19	Nguyễn Văn Thôn	1946	HHC	Tứ Cường	x		
20	Đỗ Văn Vững	1963	TNLS	Tứ Cường	x		
21	Vũ Văn Khiêm	1950	HHC	Tứ Cường	x		
22	Đỗ Hữu Mùa	1957	CDHH	Tứ Cường	x		
23	Phạm Thị Hạ	1942	TNLS	Tứ Cường	x		
24	Đào Ngọc Sen	1946	HHC	Tứ Cường		x	
25	Tạ Cao Khải	1940	TB	Tứ Cường	x		
26	Đinh Tiến Giáp	1945	CDHH	Tứ Cường	x		
27	Đỗ Thanh Thảo	1947	HHC	Tứ Cường	x		
28	Đoàn Công Nga	1947	TB	Tứ Cường		x	
29	Vũ Văn Lập	1950	CDHH	Tứ Cường	x		
30	Nguyễn Văn Tô	1950	CDHH	Tứ Cường	x		
31	Vũ Văn Sự (Vũ Quốc Sự)	1954	HHC	Tứ Cường	x		

32	Trần Văn Diện	1954	BB	Cao Thắng	x		
33	Phan Thị Ngát	1952	TNLS	Cao Thắng	x		
34	An Văn Mật	1959	TB	Cao Thắng	x		
35	Nguyễn Viết Nhiên	1952	CĐHH	Cao Thắng		x	
36	An Văn Chúc	1952	HĐKC	Cao Thắng		x	
37	Bùi Công Hân	1953	TB + CĐHH	Cao Thắng	x		
38	Vũ Thị Sáu	1940	HĐKC	Cao Thắng		x	
39	Phạm Bá Nam	1955	BB	Cao Thắng		x	
40	Nguyễn Văn Đương	1937	CĐHH	Cao Thắng		x	
41	Tổng Thị Tĩnh	1920	TNLS	Cao Thắng		x	
42	Đỗ Văn Hiếu (Đỗ Xuân Hiếu)	1955	TB	Cao Thắng	x		
43	Phạm Tiến Hiền	1953	TB	Lê Hồng		x	
44	Ngô Văn Điền	1954	TB - CĐHH	Lê Hồng	x		
45	Nguyễn Văn Nam	1955	TB-CĐHH	Lê Hồng	x		
46	Trần Đình Xương	1954	TB	Hồng Phong	x		
47	Trần Văn Hòa	1954	HĐKC	Hồng Phong	x		
48	Đặng Ngọc Thanh	1952	HĐKC	Hồng Phong	x		
49	Nguyễn Văn Vững	1942	HĐKC	Hồng Phong		x	
50	Lê Văn Thảo	1961	TNLS	Hồng Phong		x	
51	Dương Xuân Lộc	1953	CĐHH	Hồng Phong	x		
52	Nguyễn Duy Hiếu	1950	HĐKC	Hồng Phong	x		
53	Tạ Thị Tĩnh (Tạ Thị Lắng)	1943	TNLS	Hồng Phong	x		
54	Nguyễn Như Sóng	1956	BB	Chi Lăng Nam	x		
55	Hoàng Ngọc Hà	1946	BB	Chi Lăng Nam	x		
56	Vũ Đức Tam	1952	TB	Chi Lăng Nam	x		
57	Nguyễn Văn Đước	1943	TB	Chi Lăng Nam	x		
58	Trần Phú Cẩm	1957	TB	Chi Lăng Nam	x		
59	Nguyễn Văn Mũa	1949	BB	Chi Lăng Nam		x	

60	Đào Quang Thắng	1955	BB	Chi Lăng Nam	x		
61	Vũ Tiến Sĩ	1957	BB	Chi Lăng Nam	x		
62	Ngô Văn Đã	1947	TB, BB	Chi Lăng Nam		x	
63	Vũ Bá Vinh	1950	TB, CDHH	Chi Lăng Nam		x	
64	Vũ Hồng Cầu	1950	TB	Chi Lăng Nam	x		
65	Vũ Văn Ước	1939	TB	Chi Lăng Nam	x		
66	Vũ Văn Ngà	1958	TB	Chi Lăng Bắc	x		
67	Vũ Thị Vang	1932	TNLS	Chi Lăng Bắc	x		
68	Vũ Xuân Ánh	1944	BB - TB	Chi Lăng Bắc		x	
69	Vũ Văn Sùng	1966	TB	Chi Lăng Bắc	x		
70	Vương Thị Thảo	1953	CDHH	Chi Lăng Bắc	x		
71	Vũ Xuân Đăng	1947	Bệnh binh	Chi Lăng Bắc	x		
72	Vũ Văn Nền	1958	BB	Chi Lăng Bắc	x		
73	Vũ Xuân Tiên	1959	TB	Chi Lăng Bắc	x		
74	Vũ Văn Thu	1960	TB	Chi Lăng Bắc	x		
75	Vũ Văn Huynh	1962	TB	Chi Lăng Bắc	x		
76	Phạm Phú Hộ	1952	TB + CDHH	Thanh Giang	x		
77	Nguyễn Khắc Đoàn	1937	TB	Thanh Giang	x		
78	Nguyễn Ngọc Thạch	1948	CDHH	Thanh Giang		x	
79	Nguyễn Ngọc Đê	1954	TB	Thanh Giang	x		
80	Vũ Kính Tích	1954	CDHH	Thanh Giang		x	
81	Nguyễn Hữu Chính	1964	TB	Thanh Giang	x		
82	Nguyễn Văn Ba	1955	BB	Thanh Giang	x		
83	Nguyễn Thành Chinh	1954	BB	Thanh Giang	x		
84	Nguyễn Thế Trúc	1949	CDHH	Phạm Kha	x		
85	Nguyễn Thế Nhu	1941	HĐKC	Phạm Kha	x		
86	Nguyễn Văn Đợi	1947	TB	Phạm Kha	x		
87	Phạm Bình Thản	1938	CDHH	Phạm Kha	x		
88	Nguyễn Duy Tùng	1955	BB	Phạm Kha	x		

89	Nguyễn Văn Liễu	1954	TB	Phạm Kha	x		
90	Nguyễn Văn Khảo	1953	TB	Phạm Kha	x		
91	Đào Thị Sợi	1952	CĐHH	Ngũ Hùng		x	
92	Nguyễn Thị Nhón	1933	TNLS	Ngũ Hùng	x		
93	Lê Văn Hoán	1942	BB	Ngũ Hùng		x	
94	Lê Bá Lợi	1924	TNLS	Ngũ Hùng	x		
95	Vũ Xuân Chữ	1956	BB	Ngũ Hùng	x		
96	Vũ Thị Nuôi	1933	TNLS	Ngũ Hùng		x	
97	Giang Đình Lữ	1955	TB, BB	Ngũ Hùng	x		
98	Phạm Duy Hiếu	1948	BB, CĐHH	Ngũ Hùng		x	
99	Nguyễn Danh Chức	1939	TB	Ngũ Hùng	x		
100	Nguyễn Văn Dậu	1957	TB, BB	Ngũ Hùng	x		
101	Vũ Thế Xuân	1952	TB, CĐHH	Ngũ Hùng	x		
102	Bùi Tiến Sinh	1958	TB	Ngũ Hùng	x		
103	Trần Xuân Nội	1955	TB	Ngũ Hùng	x		
104	Khương Đình Dương	1949	BB	Ngũ Hùng	x		
105	Phạm Thị Sớm	1948	CĐHH	Lam Sơn		x	
106	Vũ Đức Thìn	1936	HĐKC	Lam Sơn		x	
107	Vũ Quang Cư	1950	CĐHH, BB	Lam Sơn		x	
108	Cao Thị Tỵ	1952	HĐKC	Lam Sơn		x	
109	Bùi Thị Gấm	1945	HĐKC	Lam Sơn		x	
110	Nguyễn Văn Điện	1951	TB	Lam Sơn	x		
111	Vũ Văn Hiểm	1947	BB	Lam Sơn	x		
112	Phạm Thị Tròn	1950	TNLS	Lam Sơn	x		
113	Nguyễn Văn Bạ	1948	TB	Lam Sơn	x		
114	Nguyễn Thị Minh	1950	HĐKC	Lam Sơn		x	
115	Phạm Văn Sách	1938	HĐKC	Lam Sơn		x	
116	Vũ Thị Dắt	1950	HĐKC	Lam Sơn	x		
117	Vũ Văn Tịnh	1954	TB 21%	Lam Sơn	x		

118	Nguyễn Văn Thắm	1953	TB, BB	Lam Sơn	x		
119	Mai Thị Hảo	1932	TNLS	Lam Sơn		x	
120	Phạm Văn Thang	1950	TB	Lam Sơn	x		
121	Vũ Duy Chấn	1958	BB	Lam Sơn	x		
122	Nguyễn Viết Chắt	1942	CDHH	Đoàn Tùg	x		
123	Nguyễn Thị Quyết	1947	TNLS	Đoàn Tùg	x		
124	Nguyễn Mạnh Chiến	1955	TB	Đoàn Tùg	x		
125	Nguyễn Viết Thúc	1960	TB	Đoàn Tùg	x		
126	Phạm Văn Giồng	1953	TB	Đoàn Tùg		x	
127	Trần Phương Đông	1955	TB, BB	Ngô Quyền		x	
128	Nguyễn Xuân Trá	1952	CDHH	Hồng Quang		x	
129	Nguyễn Văn Ngọc	1950	CDHH	Hồng Quang		x	
130	Nguyễn Hữu Sạo	1955	CDHH	Hồng Quang	x		
131	Vũ Văn Cách	1954	TB	Hồng Quang		x	
132	Trần Thị Bình	1935	TNLS	Hồng Quang	x		
133	Lê Công Thủ	1954	HDKC	Hồng Quang	x		
134	Vũ Thị Tiêu	1935	TNLS	Hồng Quang	x		
135	Đinh Văn Hỷ	1949	CDHH	Đoàn Kết		x	
136	Trịnh Xuân Mai	1952	TB	Đoàn Kết	x		
137	Phạm Xuân Luyện	1952	BB	Đoàn Kết	x		
138	Trần Ngọc Sơn	1951	BB	Đoàn Kết		x	
139	Vũ Thị Dào	1943	TNLS	Đoàn Kết	x		
140	Nguyễn Duy Phương	1952	TB	Đoàn Kết	x		
141	Ngô Văn Thế	1947	CDHH	Đoàn Kết	x		
142	Nguyễn Hồng Tuyền	1948	TB	Đoàn Kết	x		
143	Bùi Văn Mạnh	1947	BB	Đoàn Kết		x	
144	Bùi Viết Trình	1958	BB	Đoàn Kết	x		
145	Nguyễn Thị Ngói	1939	TNLS	Đoàn Kết		x	
146	Vũ Đình Công	1977	BB	Thanh Tùg	x		

147	Nguyễn Năng Đức	1946	BB	Thanh Tùng		x	
148	Nguyễn Hữu Dong	1942	HCKC	Thanh Tùng	x		
149	Vũ Thế Phiên	1937	HCKC	Thanh Tùng	x		
150	Nguyễn Đình Tự	1946	CĐHH	Thanh Tùng	x		
151	Phạm Văn Thư	1953	TB	Thanh Tùng	x		
152	Đỗ Đình Tới	1948	CĐHH	Thanh Tùng	x		
153	Phạm Hữu Thừa	1951	BB	Tân Trào		x	
154	Vũ Văn Đạo	1952	TNLS	Tân Trào	x		
155	Phạm Đức Xây	1951	CĐHH	Tân Trào		x	
156	Nguyễn Văn Tiền	1945	BB	Tân Trào	x		
157	Trần Văn Pho	1956	CĐHH	Tân Trào		x	
158	Vũ Minh Đức	1950	BB	Tân Trào		x	
159	Đỗ Văn Tàu	1937	TB	Tân Trào	x		
160	Vũ Công Xuất	1955	CĐHH	Tân Trào	x		
161	Trần Thị ngừng	1955	TNLS	Tân Trào	x		
162	Lê Văn Thảo	1954	CĐHH	Tân Trào		x	
VIII	Huyện Nam Sách				151	97	
1	Nguyễn Sỹ Huệ	1947	Thương binh	Thôn Mạn Đê, Nam Trung		x	
2	Nguyễn Văn Đàm	1943	Thương binh	Thôn Thụy Trà, Nam Trung		x	
3	Phạm Huy Ly	1947	NNCĐ DC	Thôn Mạn Đê, Nam Trung	x		
4	Lê Xuân Quý	1945	Thương binh	Thôn Mạn Đê, Nam Trung		x	
5	Nguyễn Văn Đức	1954	CĐHH	Phù Liễn, Hồng Phong	x		
6	Nguyễn Trung Đồng	1952	Thương binh	Vạn Tải Đông, Hồng Phong		x	
7	Nguyễn Đức Thơm	1946	CĐHH	Vạn Tải Tây, Hồng Phong		x	
8	Nguyễn Văn Bộ	1953	Thương binh	Vạn Tải Tây, Hồng Phong	x		
9	Phạm Duy Phái	1945	Thương binh	Cát Khê, Hiệp Cát	x		
10	Đoàn Thị Chiền	1945	Thương binh	Lầu Khê, Hiệp Cát	x		
11	Trịnh Thị Duyên	1955	TNLS	Kinh Dương, Hiệp Cát	x		
12	Nguyễn Văn Đạo	1954	Thương binh	Kim Độ, Hiệp Cát	x		
13	Nguyễn Văn Diệu	1952	HĐKC	Kim Độ, Hiệp Cát		x	

14	Nguyễn Hữu Toàn	1954	CDHH	Lầu Khê, Hiệp Cát	x		
15	Trần Văn Đức	1948	HĐKC	Kim Độ trại, Hiệp Cát		x	
16	Phạm Văn Bở (đã chết)	1937	CDHH	Kim Độ trại, Hiệp Cát	x		
17	Phan Văn Đệ	1947	Thương binh	Kim Độ, Hiệp Cát	x		
18	Phạm Văn Bồi	1949	HĐKC	Kim Độ, Hiệp Cát		x	
19	Trần Đăng Dũng	1954	Thương binh	Đại Lã, Hiệp Cát	x		
20	Nguyễn Xuân Giám	1948	CDHH	Đại Lã, Hiệp Cát	x		
21	Nguyễn Thị Đoàn	1938	TNLS	Kim Độ, Hiệp Cát	x		
22	Đinh Văn Nhanh	1946	Thương binh	Kim Độ trại, Hiệp Cát		x	
23	Trịnh Thị Thuận	1948	TNLS	Kinh Dương, Hiệp Cát		x	
24	Trịnh Xuân Mỹ	1953	Bệnh binh	Kinh Dương, Hiệp Cát		x	
25	Nguyễn Văn Lặc	1945	Bệnh binh	Kim Độ, Hiệp Cát	x		
26	Nguyễn Văn Húc	1927	TNLS	Kim Độ, Hiệp Cát	x		
27	Nguyễn Thị Gái	1939	Mẹ Ls	An Xá, Quốc Tuấn	x		
28	Trần Minh Ôn (Trần Ôn)	1943	Thương Binh	Trực Trì, Quốc Tuấn	x		
29	Lê Khả Năng	1941	HCKC	An Xá, Quốc Tuấn		x	
30	Lê Công Tấu	1958	Thương Binh	An Xá, Quốc Tuấn	x		
31	Trần Thị Bảy	1936	vợ LS	An Xá, Quốc Tuấn	x		
32	Vũ Đình Kỳ	1949	Thương Binh	An Xá, Quốc Tuấn	x		
33	Ngô văn tiến	1954	Bệnh binh	Lương Gián, Quốc Tuấn	x		
34	Vũ Đình Đoàn	1954	Bệnh binh	Đông , Quốc Tuấn	x		
35	Nguyễn Bá Văn	1952	Bệnh binh	An Xá, Quốc Tuấn	x		
36	Trần Thế Nhất	1954	Bệnh binh	An Xá, Quốc Tuấn	x		
37	Phạm Công Hồng	1955	Bệnh binh	An Xá, Quốc Tuấn	x		
38	Nguyễn Đức Thảo	1956	Bệnh binh	Đông , Quốc Tuấn	x		
39	Đoàn Văn Giai	1958	Thương Binh	Lương Gián, Quốc Tuấn	x		
40	Trần Đức Lân	1952	Thương Binh	Trực Trì, Quốc Tuấn	x		
41	Nguyễn Văn Phú	1950	Huân chương	Bịch Đông, Nam Chính		x	

42	Trần Văn Thuận	1950	Thương Binh	An Thượng, Nam Chính	x		
43	Cần Đình U'	1954	Huân chương	Bịch Đông, Nam Chính		x	
44	Đồng Văn In	1946	Bệnh binh	Bịch Tây, Nam Chính		x	
45	Vương Đình Hát	1956	Bệnh binh	Hoàng Xá, Nam Chính	x		
46	Đỗ Hoàng Lương	1940	Huân chương	An Thượng, Nam Chính		x	
47	Cần Thị Nhỡ (Đã chết)	1924	Liệt sĩ	Bịch Đông, Nam Chính	x		
48	Nguyễn Văn Hậu	1928	Liệt sĩ	Hoàng Xá, Nam Chính		x	
49	Đoàn Bá Minh	1961	Thương Binh	Bịch Tây, Nam Chính	x		
50	Nguyễn Văn Thuật	1945	Thương Binh	Bịch Tây, Nam Chính	x		
51	Phạm Huy Được	1957	Bệnh binh	Bịch Tây, Nam Chính	x		
52	Vũ Đình Luyện	1956	Bệnh binh	Bịch Tây, Nam Chính		x	
53	Cần Đình Đệ	1947	Huân chương	Bịch Tây, Nam Chính	x		
54	Đoàn Bá Hà	1946	Huân chương	Bịch Tây, Nam Chính	x		
55	Vũ Phúc Hoàn	1942	Huân chương	Bịch Đông, Nam Chính		x	
56	Đình Chiến Lược	1954	Huân chương	Hoàng Xá, Nam Chính		x	
57	Phạm Thị Lê (Đã chết)	1934	Huân chương	An Thượng, Nam Chính		x	
58	Cần Đình Pha	1951	Huân chương	Bịch Đông, Nam Chính		x	
59	Trần Thị Luyện	1950	Huân chương	Bịch Tây, Nam Chính	x		
60	Vũ Văn Thanh	1952	Huân chương	Bịch Tây, Nam Chính	x		
61	Vũ Quang Khánh	1946	Huân chương	An Thượng, Nam Chính	x		
62	Trần Văn Quỳnh (đã chết)	1944	Chất độc HH	An Thượng, Nam Chính	x		
63	Vương Đình Khánh	1950	Chất độc HH	Hoàng Xá, Nam Chính	x		
64	Phạm Đình Tuấn	1960	Thương Binh	Bịch Đông, Nam Chính		x	
65	Cần Đình Tình	1953	Bệnh binh	Bịch Đông, Nam Chính	x		
66	Đặng Duy Phê	1950	Thương Binh	An Thượng - Nam Chính		x	
67	Nguyễn Văn Cử	1955	HCKC	Bịch Tây - Nam Chính		x	
68	Nguyễn Xuân Vĩ	1952	CĐHH	An Thượng, Nam Chính	x		

69	Lê Văn Bang (Chết)	1929	Thương binh	La Xuyên, TT Nam Sách		x	
70	Nguyễn Quang Bình	1949	Thương binh	La Văn Cầu, TT Nam Sách	x		
71	Nguyễn Tự Phú	1949	Thương binh	La Văn Cầu, TT Nam Sách		x	
72	Lê Quang Tuồng	1942	Thương binh	Nhân Hưng, TT Nam Sách	x		
73	Nguyễn Văn Sơn	1954	Thương binh	Nhân Đào, TT Nam Sách		x	
74	Phạm Thị Năm	1947	CDHH	La Văn Cầu, TT Nam Sách		x	
75	Nguyễn Thị Trục	1923	Mẹ liệt sĩ	Ng Quốc Trị, TT Nam Sách	x		
76	Trần Quang Tám	1954	Thương binh	Ng Văn Trỗi, TT Nam Sách		x	
77	Vương Văn Tuế	1948	CDHH	Đồng Khê, TT Nam Sách		x	
78	Nguyễn Xuân Diên	1950	Thương binh	Ng Văn Trỗi, TT Nam Sách		x	
79	Trần Duy Bộ	1960	Bệnh binh	Ng Quốc Trị, TT Nam Sách	x		
80	Nguyễn Huy Mễ	1945	Thương Binh	Thượng Đáp, Nam Hồng		x	
81	Nguyễn Sỹ Nhàng	1946	Thương Binh	Thượng Đáp, Nam Hồng	x		
82	Vũ Văn Nguyệt	1946	Thương Binh	Đồn Bôi, Nam Hồng	x		
83	Nguyễn Hữu Xuân	1958	Thương Binh	Đụn, Nam Hồng	x		
84	Mai Văn Lùng	1954	Thương Binh	Đụn, Nam Hồng	x		
85	Nguyễn Xuân Lịch	1949	CDHH	Đụn, Nam Hồng	x		
86	Phạm Thị Chiết	1945	Vợ liệt sỹ	Thôn Đa Đình - xã An Bình	x		
87	Nguyễn Danh Long	1946	Da Cam	Thôn An Đoài - xã An Bình	x		
88	Lê Đình Vững	1953	Bệnh binh	Thôn An Đoài - xã An Bình	x		
89	Lê Minh Chung	1939	Thương binh	Thôn Đa Đình - xã An Bình		x	
90	Nguyễn Huy Diệu	1956	Thương binh	Thôn Đa Đình - xã An Bình	x		
91	Nguyễn Danh Vịnh	1953	Thương binh	Thôn An Đông - xã An Bình	x		
92	Lương Thị Liên	1945	Vợ liệt sỹ	Thôn An Đoài - xã An Bình	x		
93	Đỗ Thế Đức	1956	Bệnh binh	Thôn An Đông - xã An Bình	x		
94	Phạm Khắc Tiến	1956	Thương binh	Thôn An Đoài - xã An Bình	x		
95	Đỗ Thế Khuyên	1944	Bệnh binh	Thôn An Đoài - xã An Bình	x		
96	Đàm Đình Với	1950	Da Cam	Thôn An Đông - xã An Bình		x	
97	Đàm Đình Học	1949	Thương binh	Thôn Đào Xá - xã An Bình	x		

98	Nguyễn Đình Lộc	1946	Thương binh	Thôn An Đông - xã An Bình	x		
99	Nguyễn Văn Huệ	1930	Tù đầy	Miếu Lãng, Đồng Lạc		x	
100	Mạc Văn Vương	1935	Tù đầy	Miếu Lãng, Đồng Lạc		x	
101	Trần Thị Lại	1938	Vợ LS	Trúc Khê, Đồng Lạc		x	
102	Phạm Thị Ty	1936	Vợ LS	Nham Cáp, Đồng Lạc		x	
103	Phạm Thị Lộc	1932	Vợ LS	Nhân Lễ, Đồng Lạc		x	
104	Trần Danh Huy	1950	Thương Binh	Mạc Bình, Thái Tân	x		
105	Đinh Văn Tân	1950	Bệnh Binh	Thượng, Thái Tân	x		
106	Nguyễn Ngọc Cơ	1940	CDHH	An Điền Giáp, Cộng Hòa		x	
107	Nguyễn Đình Việc	1956	HCKC	An Điền Giáp, Cộng Hòa		x	
108	Nguyễn Thị Xuân	1937	TNLS	An Điền Xuân, Cộng Hòa		x	
109	Nguyễn Trung Minh	1949	HCKC	An Điền Xuân, Cộng Hòa		x	
110	Nguyễn Như Tĩnh	1952	Thương binh	An Điền Xuân, Cộng Hòa		x	
111	Nguyễn Hữu Hưng	1955	HCKC	An Điền Xuân, Cộng Hòa		x	
112	Nguyễn Thị Tâm	1950	HCKC	An Điền Xuân, Cộng Hòa		x	
113	Nguyễn Hữu Khoàng	1939	Thương binh	An Điền Kim, Cộng Hòa		x	
114	Nguyễn Công Viện	1955	Bệnh binh	An Điền Kim, Cộng Hòa	x		
115	Nguyễn Đức Vĩnh	1953	CDHH	An Điền Kim, Cộng Hòa	x		
116	Nguyễn Đồng Định	1948	Bệnh binh	An Điền Kim, Cộng Hòa		x	
117	Nguyễn Công Doóng	1946	Thương Binh	An Điền Kim, Cộng Hòa	x		
118	Nguyễn Thị Phương	1971	TNLS	Cổ Pháp, Cộng Hòa	x		
119	Trần Văn Kíp	1947	Bệnh binh	Cổ Pháp, Cộng Hòa	x		
120	Nguyễn Thị Hè	1955	TNLS	Cổ Pháp, Cộng Hòa		x	
121	Nguyễn Danh Sổ	1936	Thương binh	Chi Đoàn, Cộng Hòa		x	
122	Hà Đình Mỹ	1949	Bệnh binh	Chi Đoàn, Cộng Hòa		x	
123	Bùi Thị Tuyết	1939	TNLS	Chi Đoàn, Cộng Hòa		x	
124	Trần Đình Thiết	1937	Thương binh	Chi Đoàn, Cộng Hòa		x	
125	Nguyễn Đình Sùng	1958	Thương binh	Cổ Pháp, Cộng Hòa		x	
126	Nguyễn Xuân Sinh	1950	CDHH	An Điền Giáp - Cộng Hòa	x		
127	Nguyễn Hữu Lân	1952	CDHH	An Điền Giáp - Cộng Hòa		x	

128	Nguyễn Văn Toàn	1952	CDHH	An Điền Giáp - Cộng Hòa	x		
129	Nguyễn Thị Nhé	1921	TNLS	An Điền Kim - Cộng Hòa		x	
130	Nguyễn Hữu Tân	1957	TB	An Điền Kim - Cộng Hòa	x		
131	Nguyễn Kim Lôi	1945	CDHH	An Điền Kim - Cộng Hòa	x		
132	Nguyễn Hữu Minh	1948	TB	An Điền Kim - Cộng Hòa	x		
133	Nguyễn Đức Vững	1951	CDHH	An Điền Kim - Cộng Hòa		x	
134	Nguyễn Như Bồi	1959	TB	An Điền Kim - Cộng Hòa	x		
135	Hoàng Đức Hồng	1946	BB	An Điền Xuân - Cộng Hòa		x	
136	Nguyễn Thị Ngừ	1935	TNLS	An Điền Xuân - Cộng Hòa		x	
137	Nguyễn Phú Soan	1944	TB	An Điền Xuân - Cộng Hòa		x	
138	Nguyễn Phú Bông	1948	TNLS	An Điền Xuân - Cộng Hòa	x		
139	Nguyễn Đồng Đình	1940	CDHH	An Điền Xuân - Cộng Hòa		x	
140	Nghiêm Đình Lanh	1953	BB	An Điền Xuân - Cộng Hòa		x	
141	Trần Quang Đàm	1952	TB	Cổ Pháp - Cộng Hòa	x		
142	Vũ Thị Liên	1927	Tù đầy	Cổ Pháp - Cộng Hòa	x		
143	Đặng Huy Viễn	1951	TB	Chi Đoàn - Cộng Hòa		x	
144	Ngô Hải Lý	1938	HDKC	Chi Đoàn - Cộng Hòa	x		
145	Phạm Huy Chử	1960	TB	Chi Đoàn - Cộng Hòa	x		
146	Phạm Huy Thơi	1948	BB	Chi Đoàn - Cộng Hòa	x		
147	Nguyễn Sỹ Thúc (Thúc)	1956	Bệnh binh	An Giới, xã An Sơn	x		
148	Trần Thế Loan	1959	Bệnh binh	Quan Sơn, xã An Sơn	x		
149	Vương Đình Chung	1950	Bệnh binh	An Giới, xã An Sơn		x	
150	Dương Văn Vận	1949	CDHH	An Giới, xã An Sơn	x		
151	Phạm Văn Sử	1936	HH chương	Cối Hưng Sơn, xã An Sơn		x	
152	Ngô Thị Mơ	1941	Vợ LS	Cối Hưng Sơn, xã An Sơn	x		
153	Tạ Duy Yển	1949	Thương binh	Ngô Đông, Nam Hưng	x		
154	Nguyễn Văn Mắm	1951	Thương binh	Ngô Đông, Nam Hưng	x		
155	Hồ Thị Hợi	1947	Thương binh	Linh Xá, Nam Hưng	x		
156	Nguyễn Khắc Chở	1944	Thương binh	Trần Xá, Nam Hưng		x	

157	Nguyễn Văn Lạc	1953	Thương binh	Trần Xá, Nam Hưng	x		
158	Mạc Văn Hệ	1957	Thương binh	Trần Xá, Nam Hưng	x		
159	Mạc Văn Khuy	1955	Thương binh	Trần Xá, Nam Hưng		x	
160	Nguyễn Đăng Thủ	1947	Thương binh	Trần Xá, Nam Hưng		x	
161	Đào Trọng Khiêm	1945	Thương binh	Trần Xá, Nam Hưng	x		
162	Phạm Đình Mạnh	1948	Da cam	Xã An Bình	x		
163	Trần Kế Thịnh	1950	Thương binh	Xã An Bình	x		
164	Nguyễn Danh Đức	1946	Thương binh	Xã An Bình	x		
165	Nguyễn Đình Kéo	1947	Thương binh	Xã An Bình	x		
166	Nguyễn Đình Dung	1959	Thương binh	Xã An Bình	x		
167	Nguyễn Bá Sản	1954	Thương binh	Xã An Sơn	x		
168	Nguyễn Viết Đạt	1949	Thương binh	Xã An Sơn	x		
169	Nguyễn Thế Hối	1954	Thương binh	Xã An Sơn		x	
170	Hoàng Thanh Phương	1958	Thương Binh	Xã An Sơn	x		
171	Nguyễn Viết Cường	1956	Bệnh binh	Xã An Sơn	x		
172	Phạm Minh Phú	1946	Thương Binh	Xã Hiệp Cát	x		
173	Nguyễn Đình Chấn	1947	Thương Binh	Xã Hiệp Cát	x		
174	Trịnh Thị Mật	1935	TNLS	Xã Hiệp Cát		x	
175	Trần Đăng Lâm	1962	Bệnh binh	Xã Hiệp Cát	x		
176	Đoàn Bá Bộ	1953	Thương Binh	Xã Hiệp Cát	x		
177	Trần Tiến Tăng	1956	Bệnh binh	Xã Hiệp Cát	x		
178	Vũ Đình Tuân	1947	CĐHH	Xã Hiệp Cát		x	
179	Nguyễn Đình Đoàn	1954	Bệnh binh	Xã Hiệp Cát		x	
180	Nguyễn Công Tiến	1952	Thương Binh	Xã Hiệp Cát	x		
181	Trịnh Tiến Nam	1954	Thương Binh	Xã Hiệp Cát		x	
182	Hoàng Văn Hoan	1953	Thương binh	Xã Nam Tân	x		
183	Mạc Trường Sinh	1956	Thương binh	Xã Nam Tân	x		
184	Cao Văn Ngọc	1961	Thương binh	Xã Phú Điền	x		
185	Cao Bá Hải	1951	Bệnh binh	Xã Phú Điền	x		

186	Tô Đình Hà	1959	Thương binh	Xã Phú Điền	x		
187	Nguyễn Duy Nhất	1949	Bệnh binh	Xã Phú Điền	x		
188	Nguyễn Văn Thừa	1948	Tù đầy	Xã Phú Điền		x	
189	Tô Văn Hồng	1954	Bệnh binh	Xã Phú Điền		x	
190	Nguyễn Xuân Mùi	1957	Thân nhân Liệt sĩ	Xã Thanh Quang	x		
191	Nguyễn Văn Đông	1960	Thương Binh	Xã Thanh Quang		x	
192	Lê Quang Sáng	1947	Thương binh	Thị trấn Nam Sách	x		
193	Trịnh Quốc Đạt	1950	Thương binh	Thị trấn Nam Sách		x	
194	Lê Đức Kha	1950	Thương binh	Thị trấn Nam Sách		x	
195	Nguyễn Ngọc Ước	1950	Thương binh	Thị trấn Nam Sách		x	
196	Nguyễn Huy Chuyên	1955	Thương binh	Thị trấn Nam Sách	x		
197	Trần Khắc Sơn	1951	Bệnh binh	Xã Thái Tân	x		
198	Trần Phương Tăng	1955	CDHH	Xã Thái Tân	x		
199	Hoàng Việt Hựu	1940	CDHH	Xã Thái Tân		x	
200	Trần Danh Hạnh	1959	Thương binh, B	Xã Thái Tân	x		
201	Đinh Ngọc Ky	1949	Bệnh binh	Xã Thái Tân	x		
202	Trần Thế Liên	1959	Thương Binh	Xã Quốc Tuấn	x		
203	Nguyễn Huy Dũng	1950	Bệnh binh	Xã Quốc Tuấn		x	
204	Lê Đình Đỏ	1948	Con Liệt sỹ	Xã Quốc Tuấn	x		
205	Bùi Xuân Tích	1956	Thương Binh	Xã Quốc Tuấn	x		
206	Lê Khả Đến	1958	Thương Binh	Xã Quốc Tuấn	x		
207	Trần Văn Thạch	1942	Da Cam	Xã Quốc Tuấn		x	
208	Vũ Đình Lân	1950	Thương Binh	Xã Quốc Tuấn	x		
209	Nguyễn Thị Nhón	1931	Mẹ LS	Xã Quốc Tuấn	x		
210	Vũ Đình Chí	1966	Thương Binh	Xã Quốc Tuấn	x		
211	Lê Văn Hoạt	1962	TNLS	Xã Quốc Tuấn	x		
212	Phạm Bá Nhắc	1956	Thương Binh	Xã Cộng Hòa		x	
213	Nguyễn Xuân Tường	1955	Thương Binh	Xã Cộng Hòa		x	

214	Đặng Xuân Cừ	1954	CDHH	Xã Cộng Hòa		x	
215	Nguyễn Đình Láng	1962	Thương Binh	Xã Cộng Hòa	x		
216	Nguyễn Đình Bể	1937	HCKC	Xã Cộng Hòa	x		
217	Nguyễn Thị Thuần	1950	HCKC	Xã Cộng Hòa		x	
218	Nguyễn Minh Hồng	1949	Thân nhân LS	Xã Nam Trung		x	
219	Nguyễn Văn Đích	1944	NNCD DC	Xã Nam Trung		x	
220	Phạm Huy Khái	1950	Thương binh	Xã Nam Trung		x	
221	Nguyễn Sỹ Loan	1944	Thương binh	Xã Nam Trung	x		
222	Trần Văn Tiến	1957	Thương binh	Xã Nam Trung	x		
223	Nguyễn Sỹ Tĩnh	1950	Bệnh binh	Xã Nam Trung	x		
224	Nguyễn Ngọc Sáng	1954	Thương binh	Xã Nam Chính	x		
225	Vũ Đình Luyến	1945	Bệnh binh	Xã Nam Chính	x		
226	Phạm Thanh Bình	1942	Bệnh binh	Xã Nam Chính		x	
227	Lê Thị Toan	1932	Huy chương	Xã Nam Chính		x	
228	Cần Thị Dục	1958	Bệnh Binh	Xã Nam Chính		x	
229	Vũ Văn Hiền	1940	Bệnh binh	Xã Nam Hưng	x		
230	Nguyễn Trọng Hiếu	1952	CDHH	Xã Nam Hưng		x	
231	Ngô Văn Nôm	1927	Tuất 1 LS	Xã Nam Hưng	x		
232	Phan Đình Thanh	1945	Thương binh	Xã Nam Hưng	x		
233	Nguyễn Khắc Dược	1947	CDHH	Xã Nam Hưng		x	
234	Phan Thanh Khuê	1949	CDHH	Xã Nam Hưng	x		
235	Vũ Văn Ngôn	1958	Bệnh binh	Xã Nam Hưng	x		
236	Trần Xuân Hoạch	1953	CDHH	Xã Nam Hưng	x		
237	Đồng Đăng Minh	1958	Bệnh binh	Xã Nam Hưng	x		
238	Phan Đức Oanh	1937	Thương binh	Xã Nam Hưng		x	
239	Trần Công Dật	1951	Thương binh	Xã Nam Hưng	x		
240	Ngô Xuân Ân	1949	Thương binh	Xã Nam Hưng	x		
241	Nguyễn Đức Sắc	1954	Thương BB	Xã Hồng Phong	x		
242	Nguyễn Văn Nước	1958	Thương binh	Xã Hồng Phong	x		
243	Nguyễn Đức Thuyết	1957	Bệnh binh	Xã Hồng Phong	x		

244	Nguyễn Thị Môn	1932	TNLS	Xã Hồng Phong	x		
245	Nguyễn Thị Lý	1965	TNLS	Xã Hồng Phong	x		
246	Trần Văn Truyền	1955	Bệnh binh	Xã Nam Hồng	x		
247	Nguyễn Xuân Thu	1938	Bệnh binh	Xã Nam Hồng	x		
248	Trần Xuân Đình	1954	CDHH	Xã Nam Hồng		x	
IX	Huyện Cẩm Giàng				116	39	
1	Nguyễn Thị Hanh	1938	Vợ liệt sĩ Nguyễn Văn Ty	Thôn Mậu Tân, Cẩm Hưng	x		
2	Nguyễn Hưng Nhân	1944	Thương binh, 41%	Thôn Mậu Tân, Cẩm Hưng	x		
3	Phùng Xuân Hậu	1949	Thương binh, 52%	Thôn Đồng Xuyên, Cẩm Hưng	x		
4	Bùi Văn Tĩnh	1959	TB 81%	Thái Lai, Lương Điền	x		
5	Trần Văn Tuệ(Tạo)	1950	HĐKC	An Lại, Lương Điền	x		
6	Phạm Thị Bé	1941	Vợ liệt sỹ	An Lại, Lương Điền	x		
7	Hoàng Văn Long	1947	HĐKC	Bình Long, Lương Điền	x		
8	Nguyễn Đình châu	1943	TB 24%	Bôi Tượng, Lương Điền	x		
9	Nguyễn Đình Thảo	1949	TB 21%	Đồng Khê, Lương Điền	x		
10	Nguyễn Ngọc Hóa	1956	BB	Bình Long, Lương Điền	x		
11	Nguyễn Xuân Tuyền	1954	CDHH 61%	Yên Vũ, Đức Chính	x		
12	Nguyễn Văn Nhạ	1945	BB 61%	Yên Vũ, Đức Chính	x		
13	Phạm Thị Phút	1934	TNLS	An Phú, Đức Chính	x		
14	Cao Văn Cố	1944	TB 21%	Hảo Hội Xuân, Đức Chính	x		
15	Hà Thế Oánh	1953	TB 21%	Phượng Hoàng, Cẩm Hoàng	x		
16	Nguyễn Quốc Trị	1949	TB 21%	Phượng Hoàng, Cẩm Hoàng		x	
17	Phạm Trọng Đông	1943	BB 61%	Phượng Hoàng, Cẩm Hoàng		x	
18	Nguyễn Thị Xuyên	1940	Tuất LS	Phượng Hoàng, Cẩm Hoàng	x		
19	Ninh Văn Toàn	1954	CDHH 35%	Tràng Kỹ, Tân Trường	x		
20	Trần Thị Hằng	1948	HĐKC	Tràng Kỹ, Tân Trường	x		
21	Trần Kim Thứ	1950	TB 23%	Chi Mai, Tân Trường		x	
22	Nguyễn Duy Huân	1952	HCKC	Hoành Lộc, Cẩm Văn	x		
23	Nguyễn Thị Thắm	1962	Con LS	Văn Thai, Cẩm Văn	x		

24	Hoàng Ngọc Hiếu	1958	Thương binh	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
25	Nguyễn Văn Thơm	1950	TB 31%	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
26	Bùi Văn Phúc	1960	Thương binh	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
27	Phạm Thanh Phương	1938	Thương binh	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
28	Hoàng Thị Ly	1936	VLS	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
29	Ngô Văn Liêm	1924	Bổ LS	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
30	Phạm Thị Hôn	1940	Vợ LS	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
31	Nguyễn Thị Dung	1939	Vợ LS	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
32	Nguyễn Thị Hạnh	1965	Con LS	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
33	Nguyễn Hữu Cải	1956	Thương binh	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
34	Hà Văn Mệnh	1956	Thương binh	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
35	Đỗ Thái Lai	1950	CDHH	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
36	Phạm Lương Bằng	1939	HĐKC	Phú An, Cao An	x		
37	Lê Minh Sinh	1949	CDHH 41%	Phú An, Cao An	x		
38	Vũ Huy Mạ	1954	TB 34%	Phú An, Cao An	x		
39	Đinh Quang Yển	1955	Tb 21%	Phú An, Cao An	x		
40	Nguyễn Văn Bình	1950	CDHH 35%	Phú An, Cao An	x		
41	Nguyễn Thị Chũ	1949	Vợ LS	Cao Xá, Cao An	x		
42	Đỗ Thanh Giao	1960	TB 61%	Cao Xá, Cao An	x		
43	Trần Thị Nhiên	1937	Vợ LS	Cao Xá, Cao An		x	
44	Đào Duy Nhiệm	1956	BB 61%	Đào Xá, Cao An		x	
45	Nguyễn Văn Đích	1953	CDHH 35%	Đỗ Trung, Cao An		x	
46	Nguyễn Văn Tài	1932	HĐKC	Đỗ Trung, Cao An		x	
47	Vũ Tiến Cường	1944	BB 62%	Phú Quân, Định Sơn	x		
48	Vũ Tiến Thống	1945	HĐKC	Phú Quân, Định Sơn	x		
49	Nguyễn Thị Chín	1938	Tuất LS	An Tân, Định Sơn	x		
50	Vũ Văn Ba	1956	CDHH	Bằng Quân, Định Sơn	x		
51	Bùi Thị Tồn	1939	Tuất LS	Bằng Quân, Định Sơn	x		
52	Trần Văn Dịu	1950	Bệnh binh	Thôn 1, Định Sơn	x		
53	Vũ Xuân Trình	1945	Thương binh	Thôn 1, Định Sơn	x		

54	Nguyễn Thị Đồng	1942	HCKC	An Diêm A, Định Sơn	x		
55	Nguyễn Thế Hưu	1953	Bệnh binh	Phú Quân, Định Sơn	x		
56	Phạm Ngọc Dương	1940	Thương binh	Thôn 2, Định Sơn	x		
57	Phạm Bình Huân	1957	Bệnh binh	Thôn 2, Định Sơn	x		
58	Nguyễn Thị Hà	1933	Tuất LS	An Tân, Định Sơn	x		
59	Bùi Hữu Hồng	1932	Thương binh	Bằng Quân, Định Sơn	x		
60	Vũ Đình Việt	1940	Thương binh 21%	Phú Lộc, Cẩm Vũ	x		
61	Đào Đắc Côi	1948	CDHH 75%	Phú Lộc, Cẩm Vũ	x		
62	Đào Xuân Quý	1957	Thương binh 75%	Phú Lộc, Cẩm Vũ	x		
63	Vũ Hồng Quynh	1957	Bệnh binh 46%	Phú Lộc, Cẩm Vũ	x		
64	Đào Xuân Ngay	1948	HDKC	Hoàng Gia, Cẩm Vũ	x		
65	Trần Văn Ca	1947	CDHH 61%	Hoàng Gia, Cẩm Vũ	x		
66	Vũ Xuân Hòa	1954	Tù đầy	Nguyên Khê, TT Cẩm Giang	x		
67	Nguyễn Văn Bình	1956	Bệnh binh	Nguyên Khê, TT Cẩm Giang	x		
68	Nguyễn Phúc Chí	1954	Thương Binh	Khu 2, TT Cẩm Giang		x	
69	Phạm Huy Tạo	1945	HDKC	La A, TT Cẩm Giang	x		
70	Nguyễn Thị Dẫn	1949	Tuất LS	Tràng Kênh, TT Cẩm Giang	x		
71	Vũ Đình Điện	1955	CDHH	Tràng Kênh, TT Cẩm Giang	x		
72	Nguyễn Văn Khâm (Khâm)	1951	Bệnh binh	Khu 3, TT Cẩm Giang	x		
73	Vũ Đình Gội	1940	CDHH	Tràng Kênh, TT Cẩm Giang		x	
74	Lê Văn Nam	1949	CDHH 41%	Mậu Tài - Cẩm Diên	x		
75	Bùi Xuân Chiến	1951	TB 31%	Mậu Tài - Cẩm Diên	x		
76	Bùi Xuân Sùu	1942	BB 41%	Mậu Tài - Cẩm Diên		x	
77	Lương Đức Hoạt	1950	TB 41% + CDHH 25%	Hoàng Hòa - Cẩm Diên		x	
78	Lê Huy Chiêu	1953	CDHH 61%	Hoàng Hòa - Cẩm Diên		x	
79	Nguyễn Huy Vần	1936	CDHH 61% + Tuất Liệt sĩ	Hoàng Hòa - Cẩm Diên	x		
80	Lê Duy Triệu	1940	CDHH 35%	Mậu Tài - Cẩm Diên		x	

81	Lê Huy Thuyền	1953	TB 21%	Hoàng Hòa - Cẩm Điền	x		
82	Lê Duy Quyết	1955	CĐHH 41%	Mậu Tài - Cẩm Điền		x	
83	Phạm Thị Trang	1932	Tuất Liệt sĩ	Hoàng Hòa - Cẩm Điền	x		
84	Nguyễn Thị Tám	1938	Tuất ĐXND	Hoàng Hòa - Cẩm Điền	x		
85	Vũ Thế Lung	1943	TB 31%	Mậu Tài - Cẩm Điền		x	
86	Lê Văn Sơn	1954	TB	Mậu Tài - Cẩm Điền	x		
87	Lê Đức Sinh	1950	CĐHH 61%	Mậu Tài - Cẩm Điền	x		
88	Nguyễn Văn Ninh (Vợ: Lê Thị Phần)	1950	CĐHH 41%	Mậu Tài - Cẩm Điền	x		
89	Lương Đức Lục	1958	TB 28%	Hoàng Hòa - Cẩm Điền		x	
90	Nguyễn Hải Vu	1946	CĐHH 61%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
91	Nguyễn Thế Nhuận	1949	TB 81%	Ngọc Quyết, Ngọc Liên	x		
92	Nguyễn Văn Việt (Đã chết 07/9/2019) Vợ: Nguyễn Thị Nga (Còn sống)	1940	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
93	Nguyễn Ngọc Cường (Đã chết 02/01/2019) Vợ: Nguyễn Thị Muru (Còn sống)	1939	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên		x	
94	Nguyễn Văn Bằng	1947	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên		x	
95	Nguyễn Văn Hậu (Đã chết 28/7/2016) Vợ: Nguyễn Thị Sâm (Còn sống)	1937	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên		x	
96	Vũ Văn Chinh	1942	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		

97	Nguyễn Đức Thông (Đã chết 13/12/2019) Vợ: Vũ Thị Ly (Còn sống)	1942	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
98	Nguyễn Thị Tính	1928	Mẹ LS: Nguyễn Văn Thành	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
99	Nguyễn Văn Khánh (Đã chết 19/01/2020.) Vợ: Trần Thị Duyên(Còn sống)	1934	HĐKC	Bình Phiên, Ngọc Liên	x		
100	Nguyễn Văn Tiêm	1946	HĐKC	Cầm Ngọc, Ngọc Liên		x	
101	Nguyễn Hồng Việt	1949	HĐKC	Cầm Ngọc, Ngọc Liên	x		
102	Phạm Huy Đệ (Đã chết 29/4/2017) Con: Phạm Huy Vũ (Còn sống)	1933	HĐKC	Bằng Nghĩa, Ngọc Liên		x	
103	Phạm Huy Thạo	1946	Bệnh binh 61%, CĐHH 61%	Bằng Nghĩa, Ngọc Liên	x		
104	Vũ Văn Thọ	1935	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
105	Nguyễn Duy Đức	1949	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
106	Nguyễn Thanh Tân	1940	TB 27%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
107	Nguyễn Đức Toàn	1950	TB 24%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
108	Nguyễn Văn Vui	1956	BB 61%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
109	Nguyễn Ngọc Thụy	1939	TB 50%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
110	Nguyễn Xuân Bản	1948	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
111	Nguyễn Văn Tăng	1950	CĐHH 61%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
112	Nguyễn Xuân Hôi	1949	TB 51%	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		

113	Nguyễn Văn Thắng	1945	HĐKC	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên		x	
114	Nguyễn Thị Hiền	1945	HĐKC	Thu Lăng - Ngọc Liên	x		
115	Nguyễn Mạnh Lân Đã chết 15/02/2023 (Vợ Nguyễn Thị Bình)	1943	TB 21%+ Tù đầy	Thu Lăng - Ngọc Liên	x		
116	Phạm Văn Phác	1934	HĐKC	Thu Lăng - Ngọc Liên	x		
117	Vương Văn Long	1951	HĐKC	Bằng Nghĩa - Ngọc Liên	x		
118	Nguyễn Thị Tuất	1946	HĐKC	Bằng Nghĩa - Ngọc Liên	x		
119	Nguyễn Hữu Cử	1954	TB 21%	Cầm Ngọc - Ngọc Liên	x		
120	Nguyễn Văn Dư	1961	TB 61%	Cầm Ngọc - Ngọc Liên		x	
121	Phạm Thảo Nguyên	1948	TB 41%+CĐHH 41%	Bằng Nghĩa - Ngọc Liên	x		
122	Phạm Huy Hợp Đã chết 03/5/2023 (Vợ là Nguyễn Thị Bé)	1949	Tù đầy	Bằng Nghĩa - Ngọc Liên	x		
123	Nguyễn Văn Trang	1932	HĐKC	Mỹ Hảo, Ngọc Liên	x		
124	Vũ Thị Thúy	1954	Vợ liệt sĩ	Thạch Lỗi	x		
125	Vũ Bá Toát	1948	Bệnh binh	Thạch Lỗi	x		
126	Đoàn Văn Hưng	1947	HĐKC	Thích Lỗi	x		
127	Vũ Hữu Bình	1953	Thương binh	Lũng	x		
128	Nguyễn Đắc Ngừng	1954	Thương binh	Thạch Lỗi	x		
129	Lê Đình Lịch	1954	CĐHH	Thạch Lỗi	x		
130	Trịnh Ngọc Trừ	1957	Thương binh	Thạch Lỗi	x		
131	Nguyễn Duy Xuyên	1954	Bệnh binh	Kinh Nguyên	x		
132	Vũ Thạch Tường	1945	CĐHH	Thích Lỗi	x		
133	Vũ Thị Đình	1938	Mẹ Liệt sĩ	Thạch Lỗi	x		
134	Vũ Thị Xuyên	1938	HĐKC	Thích Lỗi	x		
135	Nguyễn Danh Hắng	1951	CĐHH	Thạch Lỗi		x	

136	Trịnh Ngọc Triệu	1957	Bệnh binh	Kinh Nguyên	x		
137	Lê Thị Nghĩa (Đã chết năm 2018)	1927	Mẹ Liệt sĩ	Thạch Lỗi		x	
138	Lê Văn Sông	1953	Thương binh	Thạch Lỗi	x		
139	Lê Văn Thiện	1952	Thương binh	Thạch Lỗi	x		
140	Lê Duy Chấn (đã chết năm 2018)	1946	CĐHH	Thạch Lỗi		x	
141	Lê Thị Tấu	1937	Vợ liệt sĩ	Thạch Lỗi		x	
142	Trịnh Thị Khuyên	1924	Mẹ Liệt sĩ	Kinh Nguyên		x	
143	Nguyễn Đắc Hùng (Đã chết năm 2018)	1949	CĐHH	Thạch Lỗi		x	
144	Vũ Duy Nhường	1950	Thương binh	Thạch Lỗi		x	
145	Vũ Đăng Nhự	1950	Thương binh	Thạch Lỗi		x	
146	Vũ Duy Hoàn	1953	HĐKC	Thạch Lỗi		x	
147	Lê Thị Phước	1938	Vợ liệt sĩ	Thạch Lỗi		x	
148	Đỗ Hữu Dương	1938	CĐHH	Thạch Lỗi		x	
149	Nguyễn Như Khánh	1952	Bệnh binh	Thạch Lỗi		x	
150	Vũ Lệnh Tô	1935	Bố liệt sĩ	Thạch Lỗi		x	
151	Nguyễn Hữu Đình	1935	Thương binh	Thạch Lỗi		x	
152	Vũ Văn Cần	1952	CĐHH	Lũng	x		
153	Vũ Duy Bốn	1944	HĐKC	Thạch Lỗi		x	
154	Vũ Văn Quỳnh	1955	TB, CĐHH	Mỹ Ngọc, Ngọc Liên	x		
155	Nguyễn Như Diệp	1957	CĐHH	Thạch Lỗi		x	
X	Huyện Tứ Kỳ				6	11	
1	Phạm Quang Lật	1947	BB61%	Quảng Nghiệp	x		
2	Phạm Quang Tiệp	1944	TB21%	Quảng Nghiệp	x		
3	Trần Xuân Hựu	1950	CĐHH 61%	Nguyên Giáp		x	
4	Đỗ Huy Tụ	1945	TB	Nguyên Giáp		x	
5	Phùng Thị Hén	1933	Mẹ LS Phùng Văn Thoái	Nguyên Giáp	x		

6	Trần Duy Hiếu	1960	TB69%	Đại Sơn		x	
7	Đoàn Ngọc Hiệu	1952	TB31%	Đại Sơn	x		
8	Nguyễn Thị Nga	1938	Vợ LS Phạm Đình Giang	Dân Chủ		x	
9	Chu Quang Khe	1949	BB, 2/3	Minh Đức		x	
10	Phạm Ngọc Luân	1943	HHC	Minh Đức		x	
11	Nguyễn Hữu Nghi	1944	HHC	Minh Đức	x		
12	Lê Thị Hồ	1948	HHC	Minh Đức	x		
13	Ngô Phong Vũ	1950	BB 3/3	Cộng Lạc		x	
14	Phạm Thị Tâm	1945	Vợ LS Đỗ Huy Hiệp	Cộng Lạc		x	
15	Nguyễn Thị Khuy	1934	Vợ LS Phạm Văn Huých	Hưng Đạo		x	
16	Nguyễn Văn Tiểu	1935	Người HDKC	Hưng Đạo		x	
17	Phạm Đức Nghìn	1940	TB 72%	Chí Minh		x	
XI	Huyện Ninh Giang				136	32	
1	Đỗ Hữu Giang	1943	Thương binh	Đồng Tâm	x		
2	Nguyễn Văn Lượng	1954	Bệnh binh	Đồng Tâm	x		
3	Nguyễn Văn Hải	1947	CDHH	Đồng Tâm	x		
4	Nguyễn Quang Vinh	1957	Bệnh binh	Đồng Tâm	x		
5	Vũ Thị Dìu	1936	Thân nhân liệt sĩ	Văn Hội	x		
6	Vũ Xuân Đáng	1950	CDHH	Văn Hội	x		
7	Vũ Tiến Mạnh	1952	Bệnh binh	Văn Hội	x		
8	Bùi Văn Chuộng	1952	Thương binh	Văn Hội	x		
9	Chu Thị Thanh	1948	Thân nhân LS	Văn Hội	x		
10	Nguyễn Văn Tỳ	1952	Bệnh binh	Văn Hội	x		
11	Đỗ Thanh Hải	1944	Thương binh	Ứng Hòa	x		
12	Vũ Duy Bá	1949	Thương binh	Ứng Hòa	x		
13	Nguyễn Văn Châm	1942	Thương binh	Ứng Hòa	x		
14	Phạm Hồng Hải	1955	Thương binh	Ứng Hòa	x		

15	Nguyễn Thị Cửu	1933	Thân nhân liệt sĩ	Ứng Hòa	x		
16	Vũ Văn Dậu	1950	Thương binh	Ứng Hòa	x		
17	Nguyễn Xuân Phả	1947	Thương binh	Ứng Hòa	x		
18	Nguyễn Hữu Từ	1948	Thương binh	Ứng Hòa	x		
19	Bùi Giang Chi	1950	Thương binh	Ứng Hòa	x		
20	Đàm Quang Ba	1955	Thương binh	Ứng Hòa	x		
21	Phạm Văn Tước	1955	Bệnh binh	Ứng Hòa		x	
22	Bùi Đức Mọc	1936	CĐHH	Kiến Quốc	x		
23	Nguyễn Trọng Khải	1952	Bệnh binh	Kiến Quốc	x		
24	Trần Thị Thơm	1938	HĐKC	Kiến Quốc	x		
25	Nguyễn Thị Ngân	1942	TNLS	Kiến Quốc	x		
26	Nguyễn Kim Quang	1938	Bệnh binh	Kiến Quốc	x		
27	Phạm Học Vạn	1954	Bệnh binh	Kiến Quốc	x		
28	Phạm Thế Phình	1948	Thương binh 41%	Kiến Quốc	x		
29	Phạm Xuân Biền	1945	Bệnh binh	Kiến Quốc	x		
30	Bùi Đăng Việc	1950	Hóa học 41%	Hung Long	x		
31	Bùi Văn Nhường	1932	Huân Chương	Hung Long	x		
32	Bùi Thế Von	1942	Hóa học 41%	Hung Long	x		
33	Vũ Văn Minh	1956	Bệnh binh	Hồng Dụ	x		
34	Nguyễn Khắc Hiền	1956	TB 61%	Hiệp Lực		x	
35	Lê Lương Hường	1957	CĐHH	Hiệp Lực	x		
36	Trương Ngọc Xứng	1954	TB 45%	Hiệp Lực		x	
37	Phạm Văn Hiến	1950	TB 21%	Hiệp Lực	x		
38	Nguyễn Văn Xô	1948	TB 41%	Hiệp Lực		x	
39	Nguyễn Văn Đĩnh	1951	BB 61%	Hiệp Lực		x	
40	Mai Quang Chiên	1950	TB 41%	Hiệp Lực	x		
41	Đào Đức Hiền	1951	BB 41%	Hiệp Lực		x	
42	Đoàn Thị Dung	1957	TNLS	Hiệp Lực	x		
43	Nguyễn Xuân Thung	1944	BB 41%	Hiệp Lực		x	

44	Lê Lương Đoài	1949	Tù đầy	Hiệp Lực		x	
45	Nguyễn Trí Tuệ	1950	TB 23%	Hiệp Lực	x		
46	Mai Quang Thước	1954	Tb 21%	Hiệp Lực	x		
47	Nguyễn Văn Muộn	1949	TB 45%	Hiệp Lực	x		
48	Trần Thị Hồng	1928	TNLS	Hiệp Lực		x	
49	Nguyễn Danh Chủ	1963	TB 21%	Hiệp Lực		x	
50	Nguyễn Khắc Sở	1954	TB 21%	Hiệp Lực		x	
51	Mai Quang Mạnh	1948	CĐHHTT	Hiệp Lực	x		
52	Phạm Khắc Khương	1953	Tb 21%	Hiệp Lực	x		
53	Nguyễn Văn Diệu	1952	Thương binh	Tân Phong	x		
54	Đoàn Văn Cừ	1957	Bệnh binh	Tân Phong		x	
55	Đoàn Thanh Lái	1950	Thương binh	Tân Phong	x		
56	Trần Công Dân	1955	Thương binh	Tân Phong	x		
57	Phạm Minh Thương	1956	Bệnh binh	Tân Phong	x		
58	Trần Xuân Trường	1955	CĐHH	Tân Phong	x		
59	Nguyễn Văn Đam	1956	Thương binh	Tân Phong	x		
60	Thiều Thị Lễ	1942	Vợ LS	Tân Phong	x		
61	Nguyễn Đức Kinh	1948	Thương binh	Tân Phong	x		
62	Nguyễn Văn Càng	1951	Thương binh	Tân Phong	x		
63	Bùi Xuân Húng	1945	Thương binh	Tân Phong	x		
64	Nguyễn Văn Bi	1947	CĐHH	Tân Phong	x		
65	Vũ Thế Thắng	1952	Bệnh binh	Tân Phong		x	
66	Bùi Thị Xuyên	1944	Vợ LS	Tân Phong	x		
67	Nguyễn Tiến Càn	1947	TB 81%	Vĩnh Hòa		x	
68	Nguyễn Xuân Nhữ	1939	BB71%	Vĩnh Hòa	x		
69	Trần Đình Thuần	1944	BB61%	Vĩnh Hòa		x	
70	Nguyễn Hòa Bình	1948	T Binh 61%	Hồng Đức	x		
71	Nguyễn Văn úy	10/05/1954	TB	Tân Hương	x		
72	Phạm Thị Nhung	08/06/1954	TB B	Tân Hương	x		
73	Đào Văn Hợi	1/1/1958	TNLS	Tân Hương	x		

74	Nguyễn Văn Đoài	10/11/1953	TB	Tân Hương	x		
75	Đào Quang Thủy	7/16/1961	BB+TB	Tân Hương	x		
76	Bùi Văn Tải	20/06/1932	TB	Tân Hương	x		
77	Hà Thị Thom	1/1/1931	TNLS	Tân Hương	x		
78	Nguyễn Xuân Tiến	01/01/1940	BB	Tân Hương	x		
79	Nguyễn Thị Dừa	1927	TNLS	Tân Hương	x		
80	Nguyễn Văn Lợi	01/01/1955	BB	Tân Hương	x		
81	Nguyễn Văn Bình	4/27/1954	TB 65	Tân Hương	x		
82	Hà Duy Nhường	12/08/1945	BB 61%	Tân Hương	x		
83	Nguyễn Ngọc Khuê	20/08/1953	BB	Tân Hương		x	
84	Nguyễn Xuân Giao	18/01/1948	TB 55%, CDHH	Tân Hương	x		
85	Hà Thị Sói	6/22/1944	TNLS	Tân Hương	x		
86	Hà Minh Hường	01/01/1949	BB 61	Tân Hương		x	
87	Nguyễn Văn Thụ	16/01/1954	TB, CDHH	Tân Hương	x		
88	Lê Thị Kiểm	06/06/1958	TB	Tân Hương	x		
89	Bùi Đình Thi	8/10/1952	CDHH	Tân Hương	x		
90	Đào Văn Cuối	01/01/1949	TB	Tân Hương	x		
91	Đào Ngọc Tú	15/05/1966	TNLS	Tân Hương	x		
92	Nguyễn Văn Lữ	28/03/1944	BB 41	Tân Hương	x		
93	Nguyễn Thành Am	20/02/1955	BB 41	Tân Hương	x		
94	Trương Văn Minh	3/3/1957	BB 61	Tân Hương		x	
95	Nguyễn Văn Vinh	28/06/1955	TB21	Tân Hương	x		
96	Trịnh Thị Vân	8/10/1961	BB 41	Tân Hương	x		
97	Nguyễn Văn Hạ	3/12/1954	TB 28	Tân Hương		x	
98	Vũ Văn Khoa	8/1/1962	TNLS	Tân Hương	x		
99	Vũ Văn Mai	10/10/1954	BB 61	Tân Hương	x		
100	Bùi Văn Bình	1/1/1949	TB 81	Tân Hương	x		
101	Đào Văn Đầu	9/1/1954	BB 41	Tân Hương	x		
102	Đào Xuân Thu	12/20/1952	TB 25	Tân Hương	x		
103	Nguyễn Thị Bình	01/01/1949	TNLS	Tân Hương	x		

104	Đào Thị Gái	01/01/1922	TNLS	Tân Hương	x		
105	Hà Năng Triệu	4/10/1954	Huy chương	Tân Hương	x		
106	Trần Đức Hoàn	5/20/1956	BB 61	Tân Hương	x		
107	Nguyễn Văn Tý	01/09/1940	BB 41	Tân Hương	x		
108	Bùi Văn Sùng	02/03/1947	TB 25%	Tân Hương	x		
109	Hà Văn Viện	1/1/1937	BB	Tân Hương	x		
110	Đào Văn Hùng	5/3/1947	TNLS	Tân Hương	x		
111	Nguyễn Văn Nghĩa	1953	TNLS	Tân Hương	x		
112	Nguyễn Đắc Nhiều	1935	Bệnh binh	Hồng Phúc	x		
113	Bùi Đình Tha	1933	Bệnh binh	Hồng Phúc		x	
114	Nguyễn Duy Sửu	1937	Bệnh binh	Hồng Phúc	x		
115	Nguyễn Đăng Chanh	1948	Thương binh	Hồng Phúc	x		
116	Hoàng Anh Máy	1955	Bệnh binh	Hồng Phúc	x		
117	Bùi Văn Thanh	1954	Bệnh binh	Hồng Phúc	x		
118	Bùi Xuân Bút	1955	Thương binh	Hồng Phúc	x	,	
119	Hoàng Văn Hoạch	1946	Thương binh	Hồng Phúc		x	
120	Trần Huy Cận	1955	Bệnh binh	Hồng Phúc		x	
121	Nguyễn Hữu Tinh	1954	Thương binh	Hồng Phúc	x		
122	Nguyễn Công Biệt	1957	Bệnh binh	Hồng Phúc	x		
123	Trần Thị Nhâm	1937	TNLS	Nghĩa An	x		
124	Vũ Văn Chương	1963	TB 21%	Nghĩa An	x		
125	Tạ Đình Hải	1948	TB tù đầy	Nghĩa An		x	
126	Đào Công Khiên	1935	BB 71%	Nghĩa An		x	
127	Phạm Nghĩa Tranh	1956	CDHH	Nghĩa An		x	
128	Nguyễn Văn Họa	1965	TB 22%	Nghĩa An		x	
129	Tạ Đình Tuyền	1957	CDHH	Nghĩa An	x		
130	Hà Huy Mỹ	1954	Bệnh binh	Nghĩa An	x		
131	Vũ Văn Dừa	1948	Thương binh	Nghĩa An	x		
132	Hà Văn Toàn	1946	Thương binh	Nghĩa An	x		
133	Bùi Như Chuyển	1954	TB	TT Ninh Giang	x		

134	Nguyễn Kim Trọng	1942	TB	TT Ninh Giang		x	
135	Lê Quốc Hùng	1956	TB	TT Ninh Giang	x		
136	Cao Thế Quỳnh	1950	TB	TT Ninh Giang		x	
137	Trần Đức Thắng	1946	TB	TT Ninh Giang	x		
138	Trương Văn Đắc	1944	TB	TT Ninh Giang	x		
139	Nguyễn Hữu Tường	1948	TB	TT Ninh Giang	x		
140	Trần Quang Vàng	1953	TB	TT Ninh Giang	x		
141	Cao Văn Trình	1958	BB 41%	TT Ninh Giang	x		
142	Nguyễn Công Viên	1951	Tb 31%	TT Ninh Giang	x		
143	Phạm Văn Nhã	1959	Tb 31, BB 61	TT Ninh Giang	x		
144	Lê Đình Đàn	1952	Bệnh binh	Ninh Hải	x		
145	Nguyễn Văn Sơn	1954	Bệnh binh	Ninh Hải	x		
146	Vũ Xuân Tới	1952	Chất độc hóa học	Ninh Hải	x		
147	Vũ Cao Đăng	1945	TB 26 %	Đông Xuyên	x		
148	Nguyễn Đức Nhuận	1954	TB 32%	Đông Xuyên	x		
149	Đinh Tiên Lãm	1948	Bệnh Binh 41%	Hồng Phong	x		
150	Nguyễn Thành Bi	1958	Thương binh 22%	Hồng Phong	x		
151	Đặng Văn Các	1944	Bệnh Binh 61%	Hồng Phong		x	
152	Nguyễn Bá Hào	1949	Tù đầy	Hồng Phong	x		
153	Nguyễn Hồng Quang	1947	Thương binh 21%	Hồng Phong	x		
154	Đặng Văn Tham	1956	Bệnh Binh 41%	Hồng Phong	x		
155	Nguyễn Văn Trạo	1940	Thương Binh 45%	Hồng Phong	x		
156	Lê Vũ Vi	3/17/1954	HĐKC	Tân Quang	x		
157	Trịnh Trung Mệnh	8/20/1943	HĐKC	Tân Quang	x		
158	Vũ Duy Hưng	1965	TNLS	Tân Quang	x		
159	Vũ Kim Nền	1945	BB 41%	Tân Quang		x	
160	Nguyễn Văn Thái	1960	TB 58 %	Tân Quang	x		
161	Phạm Văn Uý	1944	TB 61 %	Tân Quang	x		
162	Vũ Thị Vin	1949	TNLS	Tân Quang	x		

163	Nguyễn Công Hiệu	1954	BB 61 %	Tân Quang	x		
164	Trương Đình Tứ	1960	TNLS	Tân Quang		x	
165	Chu Hữu Thông	1949	TNLS	Tân Quang	x		
166	Nguyễn Công Khang	1964	TNLS	Tân Quang		x	
167	Phí Công Dích	1933	HHC	Tân Quang	x		
168	Phạm Hữu Bính	1950	TB26%	Tân Quang	x		
XII	Thành phố Chí Linh				35	6	
1	Vũ Đức Tiếp	1951	BB 61%	Tân Dân		x	
2	Nguyễn Thị Hồng	1944	Vợ LS	Tân Dân	x		
3	Vũ Văn Chuyên	1954	TB 31%	Hoàng Tiến	x		
4	Nguyễn Xuân Nguồn	1942	TB 63%	Hoàng Tiến	x		
5	Nguyễn Thị Phao	1926	Mẹ LS	Lê Lợi	x		
6	Nguyễn Văn Dịp	1954	CĐHH 61%	Lê Lợi	x		
7	Nguyễn Văn Tập	1952	TB 41%	Lê Lợi	x		
8	Trần Thanh Trà	1943	TB 21%	Hưng Đạo	x		
9	Phạm Thị Nhiều	1942	Vợ LS	Hưng Đạo	x		
10	Trần Thành Trung (Chung)	1954	BB 61%	Hưng Đạo	x		
11	Phạm Ngọc Đoan	1949	TB61%	Hưng Đạo	X		
12	Nguyễn Văn Lạng	1950	TB 21%	Hưng Đạo	x		
13	Đỗ Văn Ứng	1933	BB41%	Hưng Đạo	x		
14	Phạm Khắc Dưỡng	1945	TB30%	Hưng Đạo	x		
15	Trần Văn Sang	1923	Tiền Khởi Nghĩa	Hưng Đạo	x		
16	Nguyễn Hữu Khuông	1955	BB 75%	Văn An	x		
17	Nguyễn Quốc Xuyên	1946	TB 81%	Văn An	x		
18	Trần Thị Tý	1957	Vợ LS	Văn An	x		
19	Hoàng Hữu Mùi	1954	TB 21%	Cộng Hòa	x		
20	Lê Văn Tính	1948	CĐHH 41%	Cộng Hòa	x		

21	Nguyễn Quy Tá	1954	CĐHH 41%	Cộng Hòa	x		
22	Lý Hồng Cẩm	1954	TB 74%	Cộng Hòa		x	
23	Hoàng Hữu Hường	1952	TB 31%	Cộng Hòa	x		
24	Nguyễn Thị Uyên	1937	Vợ LS	Cộng Hòa	x		
25	Dương Đình (Văn) Sơ	1948	TBB 41%	Cộng Hòa		x	
26	Hoàng Văn Đài	1954	TB 21% CĐHH	Cộng Hòa		x	
27	Phùng Đắc (Đức) Chính	1950	TB 25% CĐHH 35%	Cộng Hòa		x	
28	Nguyễn Thị Lan	1932	TNLS Nguyễn Công Phiên	Đồng Lạc	x		
29	Nguyễn Thị Nguyên	1920	TNLS Phạm Văn Thông	Đồng Lạc	x		
30	Phan (Phạm) Văn Vân	1949	BB 61%	Đồng Lạc	x		
31	Nguyễn Hữu Trị	1953	BB 61%	Đồng Lạc	x		
32	Nguyễn Văn Chức	1951	TB 81%	Đồng Lạc	x		
33	Trương Trọng Thực	1949	CĐHH 41%	Chí Minh	x		
34	Bùi Xuân Hiền	1956	TB 26%	Bến Tắm	x		
35	Trần Văn Thắng	1953	BB 41%	Cổ Thành	x		
36	Trần Thị Nghi	1940	Vợ LS	Cổ Thành	x		
37	Đổng Đặng (Văn) Tâm	1937	Bố LS	Cổ Thành	x		
38	Đổng Văn Tự	1954	CĐHH 41%	Cổ Thành	x		
39	Nguyễn Đức Trọng	1944	CĐHH 41%	Cổ Thành		x	
40	Nguyễn Văn Đáp	1946	CĐHH 35%	Bắc An	x		
41	Đổng Thị Vân	1957	Vợ LS Lương Trung Cộng	Văn Đức	x		
1,727	Tổng				1,203	524	

F

